

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT XUÂN ĐỈNH

SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

MỘT SỐ BIỆN PHÁP ĐỔI MỚI ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC CHỦ ĐỀ
“THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỐI ẨM GIÓ MÙA” – ĐỊA LÝ 12 THEO ĐỊNH
HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Lĩnh vực/ Môn: **Địa lý**

Cấp học: **THPT**

Tên Tác giả: **Vũ Thị Thu Hà**

Đơn vị công tác: **THPT Xuân Đỉnh**

Chức vụ: **Giáo viên Địa lý – Bí thư Đoàn thanh niên**

NĂM HỌC 2022 – 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Kính gửi: Hội đồng khoa học ngành Giáo dục và Đào tạo

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Tên sáng kiến
Vũ Thị Thu Hà	20/8/1981	THPT Xuân Đinh	GV Địa lí – Bí thư Đoàn	Thạc sĩ Địa lí Tự nhiên	Một số biện pháp đổi mới đánh giá trong dạy học chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” - Địa lí 12 theo định hướng phát triển năng lực

- Lĩnh vực áp dụng sáng kiến: Môn Địa lí
- Ngày sáng kiến được áp dụng lần đầu hoặc áp dụng thử: 10/2022
- Mô tả bản chất của sáng kiến
 - + Tìm hiểu cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của vấn đề đổi mới kiểm tra đánh giá trong dạy học theo định hướng phát triển năng lực.
 - + Điều tra, khảo sát và thăm dò ý kiến của học sinh
 - + Tìm hiểu qua thực tiễn công tác tại đơn vị và tham khảo, học hỏi đơn vị bạn.
 - + Đề ra một số biện pháp đổi mới đánh giá trong dạy học chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” – Địa lí 12 theo định hướng phát triển năng lực.
 - + Những điểm mới của đề tài:
 - o Làm rõ sự cần thiết phải đổi mới đánh giá trong dạy học theo định hướng phát triển năng lực.
 - o Đề xuất một số giải pháp đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh trong dạy học chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” – Địa lí 12 theo định hướng phát triển năng lực.
- Những thông tin cần được bảo mật (nếu có):.....

- Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến: Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban giám hiệu; sự phối hợp của tổ chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn và các đoàn thể trong và ngoài nhà trường.

- Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tác giả:

- + Đổi mới đánh giá trong dạy học theo định hướng phát triển năng lực.
- + Góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Địa lí 12 nói riêng và chương trình Địa lí THPT nói chung, bước đầu tiếp cận với chương trình giáo dục phổ thông 2018, góp phần đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục phổ thông.

- Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tổ chức, cá nhân đã tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu hoặc áp dụng thử nếu có:

- + Đổi mới đánh giá trong dạy học theo định hướng phát triển năng lực.
- + Góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Địa lí 12 nói riêng và chương trình Địa lí THPT nói chung, bước đầu tiếp cận với chương trình giáo dục phổ thông 2018, góp phần đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục phổ thông.

Danh sách những người đã tham gia áp dụng thử hoặc áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có):

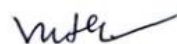
Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác (hoặc nơi thường trú)	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Nội dung công việc hỗ trợ

Tôi xin cam đoan mọi thông tin nêu trong đơn là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2023

Người nộp đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)



Vũ Thị Thu Hà

TRƯỜNG THPT XUÂN ĐÌNH
HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

Họ tên tác giả: **VŨ THỊ THU HÀ**

Tên đề tài: **Một số biện pháp đổi mới đánh giá trong dạy học chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa”- Địa lí 12 theo định hướng phát triển năng lực**

Lĩnh vực/Môn: **Địa Lí**

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa
1	Sáng kiến có tính mới	
1.1	Hoàn toàn mới, được áp dụng đầu tiên	27
1.2	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ khá	
1.3	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ trung bình	
1.4	Không có tính mới hoặc sao chép từ các giải pháp đã có trước đây	
Nhận xét: Đề tài có đưa ra được những giải pháp mới về phương pháp, công cụ và quy trình đánh giá phù hợp với chương trình GDPT 2018		
2	Sáng kiến có tính áp dụng	
2.1	Có khả năng áp dụng trong phạm vi toàn ngành hoặc rộng hơn	29
2.2	Có khả năng áp dụng trong đơn vị và có thể nhân ra một số đơn vị có cùng điều kiện	
2.3	Có khả năng áp dụng trong đơn vị	
2.4	Không có khả năng áp dụng trong đơn vị	
Nhận xét: Đề tài có thể được áp dụng trong phạm vi toàn ngành		
3	Sáng kiến có tính hiệu quả	
3.1	Có hiệu quả, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội, có tính lan tỏa	29
3.2	Có hiệu quả, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội	
3.3	Có hiệu quả, lợi ích phù hợp với mức độ phù hợp tại đơn vị	
3.4	Không có hiệu quả cụ thể	
Nhận xét: Đề tài đã được áp dụng trong thực tế đạt hiệu quả cao, phân loại và đánh giá đúng năng lực của từng đối tượng học sinh.		
4	Diễn trình bày	
4.1	Trình bày khoa học, hợp lý	10
4.2	Trình bày chưa khoa học, chưa hợp lý	
Nhận xét: Trình bày khoa học, rõ ràng và chặt chẽ.		
Tổng cộng: 95		
Đánh giá: ☒ Đạt (≥ 70 điểm) ☐ Không đạt		

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN CƠ SỞ



HIỆU TRƯỞNG
Lê Ngọc Hoa

MỤC LỤC

PHẦN I – ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Lí do chọn đề tài.....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	2
3. Nhiệm vụ nghiên cứu	2
4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu	2
5. Phương pháp nghiên cứu.....	2
PHẦN II – GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ.....	3
I - CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN.....	3
1. Các khái niệm	3
2. Mục tiêu của kiểm tra đánh giá.....	3
3. Các hình thức đánh giá	3
4. Các phương pháp đánh giá.....	4
5. Thực trạng kiểm tra đánh giá trong dạy học ở trường THPT Xuân Đỉnh	4
II – MỘT SỐ BIỆN PHÁP ĐỔI MỚI ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC CHỦ ĐỀ “THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỐI ẨM GIÓ MÙA – ĐỊA LÍ 12 THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC.....	7
1. Một số yêu cầu đối với đánh giá kết quả học tập của học sinh theo định hướng phát triển năng lực	7
2. Hệ thống năng lực đặc thù, các tiêu chuẩn đánh giá các năng lực trong dạy học chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” – Địa lí 12	7
3. Các bước đánh giá kết quả học tập của học sinh trong dạy học chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” – Địa lí 12 theo định hướng phát triển năng lực.....	10
4. Một số biện pháp đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh trong dạy học chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” – Địa lí 12 theo định hướng phát triển năng lực.....	11
4.1. Xây dựng kế hoạch đánh giá	11
4.2. Xây dựng công cụ đánh giá	13
4.3. Thực hiện đánh giá	20
III - THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM	21

1. Mục đích thực nghiệm	21
2. Tổ chức thực nghiệm	22
2.1. Tiến trình thực nghiệm	22
2.2. Kết quả thực nghiệm.....	22
PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	23
1. Kết quả đạt được của đề tài.....	23
2. Khuyến nghị	24
TÀI LIỆU THAM KHẢO	25
PHỤ LỤC	1
PHỤ LỤC 1.....	1
PHỤ LỤC 2.....	3
PHỤ LỤC 3.....	16
PHỤ LỤC 4.....	17

PHẦN I – ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Lí do chọn đề tài

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT. Thông tư 26 thể hiện rõ quan điểm đổi mới về hoạt động kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; đảm bảo hoạt động kiểm tra, đánh giá như một hoạt động học tập, vì hoạt động học tập và sự tiến bộ của học sinh. Đây chính là bước đệm giúp giáo viên, cán bộ quản lý chuyển dần sang kiểm tra, đánh giá theo hướng hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực người học; từ đó không bỏ lỡ khi triển khai hoạt động kiểm tra đánh giá trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Theo tôi, việc đổi mới kiểm tra, đánh giá này sẽ khích lệ, động viên, tạo động lực cho các em học sinh phát triển toàn diện. Đồng thời cũng giúp giáo viên chuyển dần từ việc dạy học, kiểm tra, đánh giá về mặt tiếp cận kiến thức sang định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Điều này là hết sức cần thiết và cũng phù hợp với xu thế quốc tế hiện nay; khắc phục được thói quen khá phổ biến là trong khi chấm bài kiểm tra, giáo viên chỉ chú trọng việc cho điểm, ít có những lời phê nêu rõ ưu điểm, khuyết điểm của học sinh khi làm bài, để từ đó bồi dưỡng học sinh giỏi, bổ sung những lỗ hổng kiến thức, giúp đỡ riêng đối với học sinh yếu, kém...

Thực tế, việc điều chỉnh này có thể khiến giáo viên vất vả hơn khi phải quan tâm học sinh sát sao hơn để bảo đảm kết quả đánh giá công bằng, thực chất. Đồng thời, cũng đặt ra yêu cầu giáo viên phải chủ động, vận dụng sáng tạo các hình thức đánh giá để giúp học sinh phát huy năng lực, phẩm chất bản thân.

Do đó, để hoạt động này đi vào thực chất, đòi hỏi sự vào cuộc quyết liệt, trách nhiệm của ngành giáo dục, nhà trường, giáo viên và cả các bậc phụ huynh. Trong đó, trước mắt, cần đẩy mạnh công tác tập huấn, hướng dẫn về việc đổi mới các hình thức kiểm tra, đánh giá cho đội ngũ giáo viên; hướng dẫn các thầy cô cách thức ra đề thi, kiểm tra theo hướng mở, tránh việc cho điểm hình thức, nhận xét chung chung... Đồng thời, mỗi giáo viên cần chủ động, tích cực hơn trong quá trình giảng dạy để hướng dẫn học sinh tự học, tăng cường ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống... Cùng với đó, cần tăng cường trao đổi, phối hợp giữa phụ huynh và nhà trường, thông qua những nhận xét của giáo viên và ý kiến từ gia đình để ghi nhận sự tiến bộ của mỗi học sinh. Có như vậy, phẩm chất, năng lực của mỗi học sinh mới được phát triển một cách tốt nhất, góp phần nâng cao óp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện đối với thế hệ tương lai của đất nước.

Với những lí do trên, tác giả đã lựa chọn đề tài ***“Một số biện pháp đổi mới đánh giá trong dạy học chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” - Địa lí 12 theo định hướng phát năng lực”*** làm nội dung nghiên cứu.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Đề xuất một số biện pháp đánh giá kết quả học tập của học sinh trong dạy học chuyên đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” – Địa lí 12 theo định hướng phát triển năng lực nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Địa lí, góp phần đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục phổ thông.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Đề xuất biện pháp đánh giá kết quả học tập của học sinh trong dạy học chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” - Địa lí 12 theo định hướng phát triển năng lực.
- Thực nghiệm sư phạm để tăng tính khoa học, thực tiễn và khả thi của đề tài.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

*** Đối tượng nghiên cứu:** Một số biện pháp đánh giá kết quả học tập của học sinh trong dạy học chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” - Địa lí 12 theo định hướng phát triển năng lực.

*** Phạm vi nghiên cứu**

- Chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” – Địa lí 12.
- Tiến hành thực nghiệm tại các lớp giảng dạy trong năm học 2022 – 2023.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu
- Phương pháp khảo sát, điều tra; quan sát; chuyên gia
- Phương pháp thực nghiệm sư phạm
- Phương pháp thống kê toán học

PHẦN II – GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

I - CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN

1. Các khái niệm

Đánh giá: Đánh giá trong dạy học bao gồm các hoạt động thu thập thông tin về một lĩnh vực nào đó, nhận xét và phân xét đối tượng đó trên cơ sở đối chiếu các thông tin thu nhận được với mục tiêu được xác định ban đầu. Từ đó đề xuất những biện pháp làm thay đổi thực trạng, điều chỉnh để nâng cao hiệu quả dạy học.

Kiểm tra: Là một quá trình mà các mục tiêu và các tiêu chí đi kèm được định ra từ trước, trong đó chúng ta kiểm tra sự phù hợp của sản phẩm với các mục tiêu và tiêu chí đã xác định.

Đo lường: Là một cách đánh giá căn cứ vào sự ghi chép và lượng hóa các thông tin thành điểm số (Ví dụ: điểm từ 0 đến 10) hoặc mức độ (Ví dụ: xuất sắc, giỏi, khá, trung bình, yếu) dựa trên một hệ quy tắc.

Đánh giá năng lực: Đánh giá năng lực là đánh giá khả năng thực hiện một công việc cụ thể dựa trên việc kết hợp kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp với yêu cầu sản phẩm đầu ra của quá trình giáo dục.

2. Mục tiêu của kiểm tra đánh giá



Đối với học sinh

- Cung cấp những thông tin phản hồi về quá trình học tập, từ đó điều chỉnh hoạt động học tập của bản thân.
- Xác nhận kết quả học tập của người học.
- Phát triển năng lực tư duy, năng lực hành động của người học.



Đối với giáo viên

- Biết được trình độ chung của người học, những học sinh có tiến bộ, những học sinh sút kém để động viên và giúp đỡ kịp thời.
- Kết quả đánh giá giúp giáo viên xem xét và điều chỉnh lại phương pháp và hình thức tổ chức dạy học hiện hành



Đối với cán bộ quản lý giáo dục

- Có động thái uốn nắn, điều chỉnh
- Động viên, khuyến khích kịp thời giáo viên và học sinh.

3. Các hình thức đánh giá

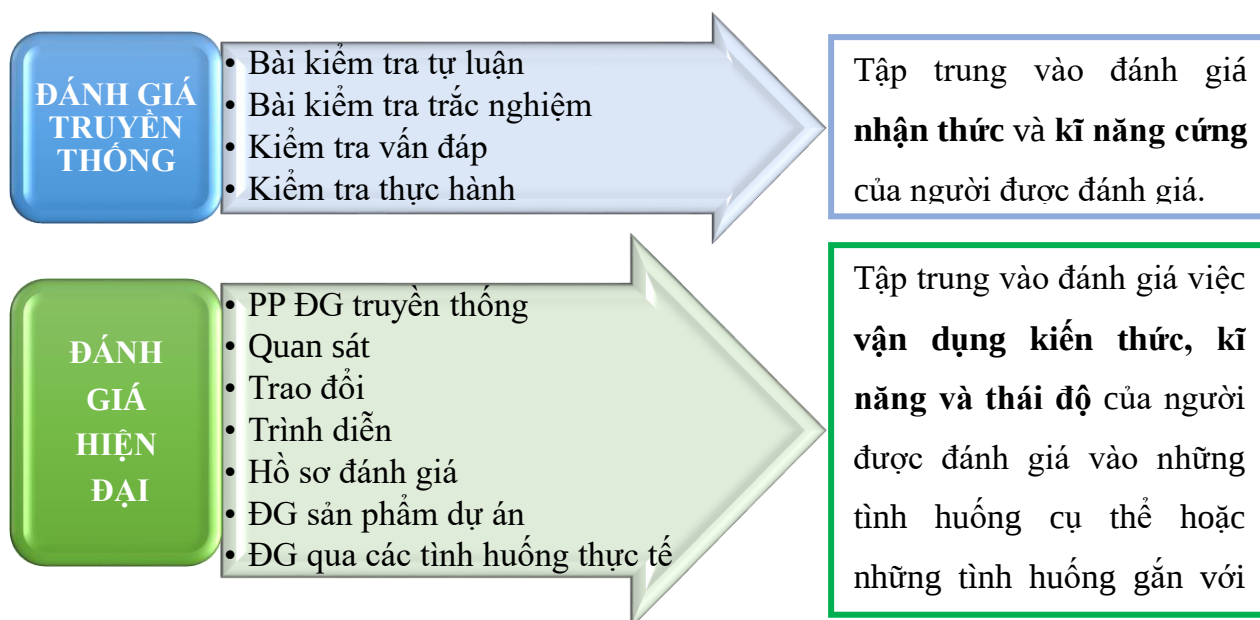
Tùy theo cơ sở phân loại, người ta phân ra nhiều hình thức đánh giá như sau:

- Đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết
- Đánh giá khách quan và đánh giá chủ quan
- Đánh giá chính thức và đánh giá không chính thức
- Đánh giá chuẩn tuyệt đối và đánh giá tương đối

- Đánh giá trong và đánh giá ngoài

Việc vận dụng những hình thức đánh giá trên như thế nào vào quá trình giáo dục phụ thuộc nhiều vào quan điểm về đánh giá. Theo quan điểm mới về đánh giá, đánh giá theo quá trình, diễn ra trong suốt quá trình học tập, đánh giá theo chuẩn tuyệt đối sử dụng để so sánh kết quả đầu ra của người học với mục đích nhằm đưa ra phản hồi và điều chỉnh; sự cố gắng là một thành phần được ghi nhận trong quá trình đánh giá.

4. Các phương pháp đánh giá



5. Thực trạng kiểm tra đánh giá trong dạy học ở trường THPT Xuân Đỉnh

Thông qua phiếu điều tra trực tuyến trên Google Form theo mẫu phiếu **Phụ lục 1** tác giả đã thu thập được ý kiến của 268 học sinh khối 12 trong trường.

Tác giả đã phân tích, tổng hợp các thông tin theo phiếu điều tra như sau:

1) Hứng thú của học sinh với hoạt động đánh giá trong học tập của giáo viên

Tiêu chí	1	2	3	4	5
Số HS	21	26	32	159	30
Tỉ lệ(%)	7.8	9.7	11.9	59.3	11.2

(1-Rất hứng thú; 2-Hứng thú; 3-Khá hứng thú; 4-Bình thường; 5-Không hứng thú)

Với bảng số liệu trên, tác giả nhận thấy, chỉ có 17,5% số học sinh thấy hứng thú với hoạt động đánh giá, nhưng có đến 70,5% số học sinh thấy hoạt động này là bình thường và không hứng thú. Như vậy, với mục đích đánh giá chủ yếu để xếp loại, so sánh học sinh như hiện nay thì sự cạnh tranh về điểm số đã tạo nên những áp lực đối với các em. Điều này dẫn tới những lo lắng, căng thẳng của học sinh mỗi khi giáo viên thực hiện các bài kiểm tra.

2) Ý nghĩa quan trọng nhất của đánh giá kết quả học tập đối với học sinh

Tiêu chí	Số HS	Tỉ lệ %
Củng cố và ôn tập kiến thức đã học	170	63.4
Rèn luyện ngôn ngữ nói, viết và cách lập luận vấn đề	18	6.7
Điểm số kết quả học tập	50	18.7
Biết được những sai sót để điều chỉnh phương pháp học	30	11.2

Phần lớn học sinh (63,4 % tổng số học sinh) cho rằng đánh giá chỉ để tiến hành củng cố và ôn tập các kiến thức đã được học; 6,7% học sinh cho rằng ý nghĩa quan trọng nhất của đánh giá hiện nay đối với bản thân là rèn luyện ngôn ngữ nói, viết và cách lập luận vấn đề. Có 18,7% học sinh nhận thấy tác dụng lớn nhất của đánh giá đối với bản thân là biết được bằng điểm số kết quả học tập. Chỉ có 11,2% học sinh nhận thấy đánh giá có tác dụng giúp cho mình phát hiện những sai sót để điều chỉnh cách học.

Rõ ràng, khi giáo viên chỉ chú trọng đánh giá định kì và tổng kết thì học sinh chỉ nhận thấy tác dụng củng cố và ôn tập kiến thức đã học là điều dễ hiểu.

3) Tính chính xác, công bằng của giáo viên trong đánh giá kết quả học tập

Đa số học sinh cho rằng kết quả đánh giá của giáo viên chưa phản ánh đúng năng lực của mình. Chỉ có 41,8% học sinh cho rằng kết quả đánh giá của giáo viên đã phản ánh đúng năng lực của bản thân, trong khi số đông học sinh (58,2%) không cho rằng như vậy. Có thể thấy, khi việc đánh giá kết quả học tập không được chú trọng đến trong toàn bộ quá trình giảng dạy, không tính đến sự tiến bộ của học sinh mà chỉ tập trung vào một số bài kiểm tra thì rất khó để có thể đưa ra một kết luận toàn diện về năng lực của học sinh.

Tương tự, đa số học sinh (54,1%) cho rằng, kết quả đánh giá của giáo viên chưa thể hiện sự công bằng.

4) Các phương pháp đánh giá học sinh ưa thích và các đánh giá của học sinh

- Hình thức kiểm tra:

Hình thức kiểm tra	Vấn đáp	Viết	Quan sát	Khác
Số HS	87	132	20	29
Tỉ lệ (%)	32.5	49.3	7.5	10.8

- Hình thức tự đánh giá và đánh giá bạn kết quả khảo sát theo bảng số liệu sau:

	Tự đánh giá					Đánh giá bạn				
	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
Số học sinh	2	10	162	60	34	3	19	175	22	49
Tỉ lệ %	0.7	3.7	60.4	22.4	12.7	1.1	7.1	65.3	8.2	18.3

(1-Rất thường xuyên; 2-Thường xuyên; 3-Thỉnh thoảng; 4-Hiếm khi; 5-Chưa bao giờ)

Theo tổng hợp phiếu điều tra, đa số học sinh thích được đánh giá bằng vấn đáp và kiểm tra viết. Kiểm tra qua bảng quan sát của giáo viên ít được học sinh lựa chọn hơn.

Việc phát triển các đánh giá của học sinh cũng còn rất hạn chế. Điều này cho thấy, các đánh giá của học sinh vẫn chưa được chú trọng.

5) Việc phản hồi kết quả đánh giá của giáo viên

Theo thống kê phiếu thông tin học sinh, sau khi làm bài tập, bài kiểm tra có đến 933% học sinh muốn và rất mong muốn nhận được phản hồi của giáo viên. Chỉ có một số ít học sinh là không quan tâm (5,6%) và không muốn (1,1%). Như vậy, đa số học sinh có nhu cầu muốn biết kết quả những sản phẩm học tập của mình không chỉ dừng lại ở điểm số, mà còn biết được những điểm mạnh, điểm yếu, những sai lầm trong sản phẩm của cá nhân hay nhóm.

6) Hiểu biết của học sinh đối với các năng lực đặc thù của môn Địa lí

Học sinh vẫn chưa biết và hiểu các năng lực đặc thù mà các em cần hình thành và phát triển trong học tập môn Địa lí. Khi được yêu cầu kể một số năng lực trong học tập môn Địa lí, hầu hết các em không thể kể tên được các năng lực chuyên biệt của bộ môn, các em chỉ kể tên một số kĩ năng như “đọc Átlat”, “vẽ các loại biểu đồ”, “liên hệ thực tế”, “khảo sát điều tra ngoài thực địa”...

Sau quá trình tổng hợp, tác giả nhận thấy, trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển chung của giáo dục phổ thông và định hướng của chương trình giáo dục phổ thông tổng thể năm 2018, hoạt động đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá đã được quan tâm tổ chức và thu được những kết quả bước đầu. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá trong nhà trường vẫn còn có một số hạn chế cần khắc phục. Cụ thể là: Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học chưa mang lại hiệu quả cao. Dạy học vẫn nặng truyền thụ kiến thức lí thuyết. Việc rèn luyện các kĩ năng cho học sinh còn chưa thực sự được quan tâm. Hoạt động kiểm tra đánh giá chưa bảo đảm yêu cầu khách quan, chính xác, công bằng; việc kiểm tra chủ yếu chú ý đến yêu cầu tái hiện kiến thức và đánh giá qua điểm số, học sinh học tập thiên về ghi nhớ, ít quan tâm vận dụng kiến thức. Một số giáo viên chưa vận dụng đúng quy trình biên soạn đề kiểm tra nên đề kiểm tra còn nặng tính chủ quan của người dạy. Hoạt động kiểm tra đánh giá ngay trong quá trình tổ chức hoạt động dạy học trên lớp chưa được quan tâm thực hiện một cách khoa học, hiệu quả.

*** Một số nguyên nhân dẫn đến hạn chế của việc đổi mới kiểm tra đánh giá**

Thực trạng nói trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có thể chỉ ra một số nguyên nhân cơ bản sau:

- Nhận thức về sự cần thiết phải đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá và ý thức thực hiện đổi mới, năng lực của một số cán bộ giáo viên về vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, sử dụng thiết bị dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong dạy học còn hạn chế.

- Lý luận về phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá chưa được nghiên cứu và vận dụng một cách có hệ thống.
- Chỉ chú trọng đến đánh giá cuối kỳ mà chưa chú trọng việc đánh giá thường xuyên trong quá trình dạy học.
- Việc tổ chức hoạt động đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá chưa đồng bộ và chưa phát huy được vai trò thúc đẩy của đổi mới kiểm tra đánh giá đối với đổi mới phương pháp dạy học.
- Nguồn lực phục vụ cho quá trình đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá trong nhà trường như: cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, hạ tầng công nghệ thông tin - truyền thông vừa thiếu, vừa chưa đồng bộ, làm hạn chế việc áp dụng các phương pháp dạy học, hình thức kiểm tra đánh giá hiện đại.

II – MỘT SỐ BIỆN PHÁP ĐỔI MỚI ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC CHỦ ĐỀ “THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA – ĐỊA LÍ 12 THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

1. Một số yêu cầu đối với đánh giá kết quả học tập của học sinh theo định hướng phát triển năng lực

- Đánh giá kết quả học tập của học sinh phải dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá cụ thể và được công khai.
- Hoạt động đánh giá kết quả học tập của học sinh phải được thực hiện liên tục trong suốt quá trình dạy học
- Đánh giá kết quả học tập của học sinh phải được thực hiện dựa trên các phương pháp và công cụ đa dạng.
- Phải khuyến khích và tạo cơ hội cho các đối tượng khác tham gia đánh giá kết quả học tập của học sinh

2. Hệ thống năng lực đặc thù, các tiêu chuẩn đánh giá các năng lực trong dạy học chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” – Địa lí 12

Trong giảng dạy chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” – Địa lí 12, tác giả đã xác định hệ thống các năng lực đặc thù và các tiêu chuẩn đánh giá. Các năng lực được xây dựng dựa trên kiến thức, kỹ năng và các giá trị cần thiết mà học sinh cần đạt được trong học tập. Theo đó, mục tiêu dạy học chủ đề này hướng đến hình thành và phát triển cho học sinh các năng lực đặc thù dưới đây:

NL	Tiêu chuẩn(TC)		Chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa”
Nhận thức khoa học địa lí	1	Nhận thức quá trình và mô hình không gian liên quan ở một địa điểm, khu vực, vùng	- Mô tả, giải thích sự di chuyển, tác động của các khối khí, các loại gió..., phân tích ảnh hưởng của chúng đến nước ta;

			- Mô tả/xác định các dạng địa hình, các hệ thống sông lớn, đất đai, sinh vật của nước ta và phân tích ảnh hưởng của nó đến tự nhiên, kinh tế - xã hội
	2	Nhận thức điểm tương đồng, khác biệt giữa các quá trình và mô hình không gian giữa các địa điểm, khu vực, vùng	- Xác định điểm khác biệt giữa các loại gió, các khối khí tác động đến lãnh thổ nước ta
	3	Nhận thức mối liên hệ giữa vấn đề môi trường và các vấn đề kinh tế - xã hội	
	4	Nhận thức sự phụ thuộc lẫn nhau giữa con người và môi trường	Phân tích ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sự phát triển kinh tế - xã hội nước ta
Năng lực tìm hiểu địa lí	1	Đặt câu hỏi	
	2	Thu thập thông tin	- Thu thập các thông tin địa lí thông qua đọc hiểu các tài liệu sơ cấp và thứ cấp (ví dụ mẫu báo, trích dẫn, số liệu điều tra...) về các nội dung học tập; - Diễn giải, phân tích các loại đồ họa (bản đồ, biểu đồ, hình ảnh và các dạng đồ họa khác)
	3	Tổ chức thông tin	
	4	Phân tích các thông tin	- Phân tích các nội dung từ các tài liệu (mẫu báo, trích dẫn, số liệu điều tra...) về các nội dung học tập. - Phân tích các nội dung địa lí dựa trên bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh và các dạng đồ thị khác
	5	Trả lời câu hỏi	Trả lời câu hỏi, báo cáo một vấn đề địa lí tự nhiên ở phạm vi địa phương
Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học	1	Vận dụng kiến thức và kĩ năng để giải thích các hiện tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội	Giải thích các hiện tượng liên quan đến các đặc điểm tự nhiên của nước ta (sự hình thành các loại gió mùa, các khu vực có đặc điểm tự nhiên đặc biệt...)
	2	Vận dụng kiến thức và kĩ năng để giải quyết các vấn đề	Giải quyết các vấn đề, thách thức về môi trường, suy giảm tài nguyên thiên

		và thách thức ở quy mô địa phương và quốc gia	nhiên ở nước ta
	3	Xác định các giá trị và thái độ của cá nhân và các nhóm liên quan đến quá trình, mô hình không gian và sự tương tác của con người đối với môi trường	

Bên cạnh đó, trong chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” có thể tìm được sự liên hệ với nhiều tiêu chuẩn đánh giá khác nhau. Giáo viên có thể dạy học và đánh giá hướng tới tất cả các tiêu chuẩn liên quan, tuy nhiên quá trình này cần chú trọng vào một số tiêu chuẩn có lợi thế cao để nâng cao hiệu quả dạy học và đánh giá. Sau đây là bảng mô tả các tiêu chuẩn năng lực trong chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa”:

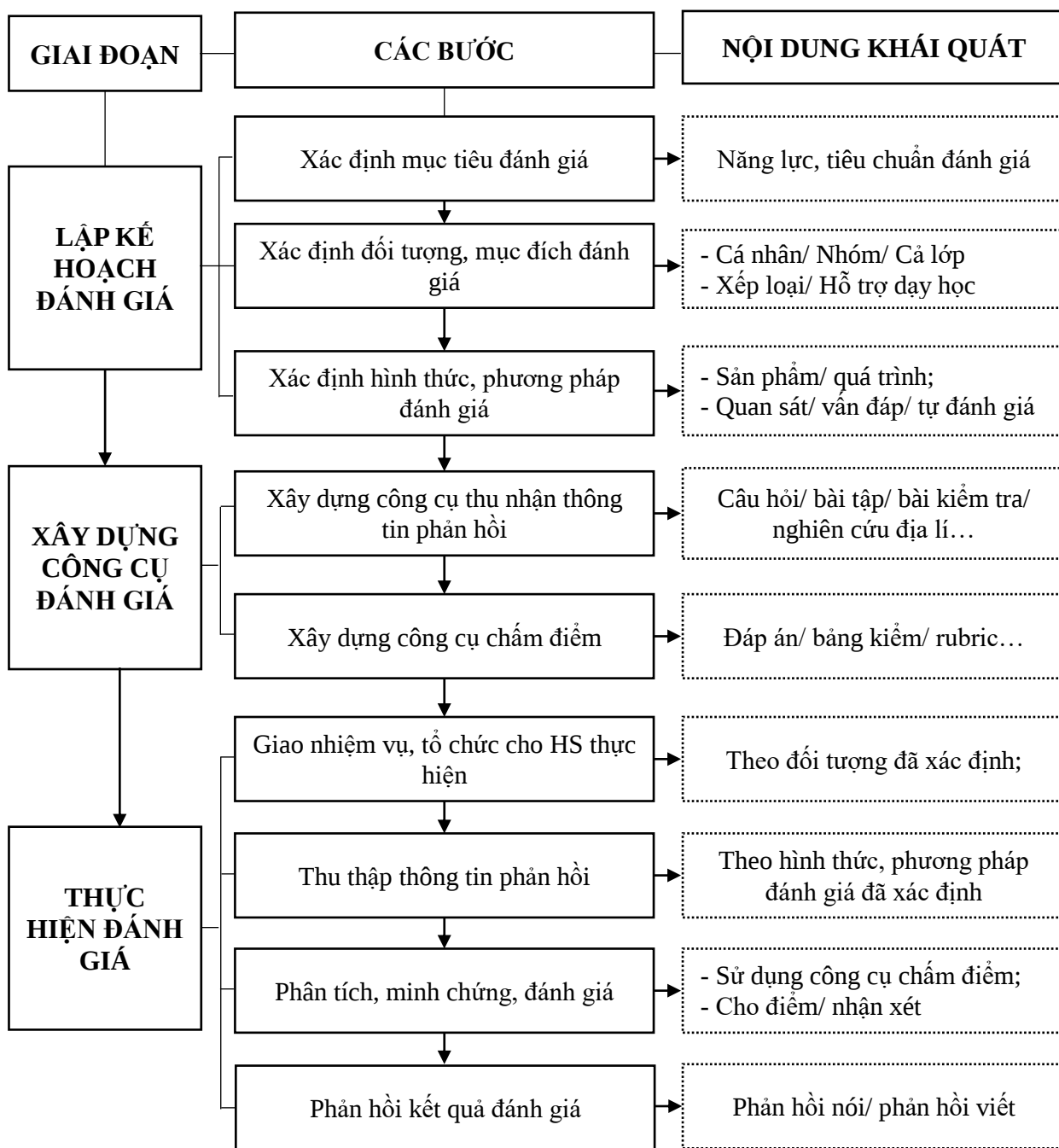
Năng lực	Nội dung đánh giá
1. Nhận thức khoa học địa lí	
Tiêu chuẩn 1: Nhận thức quá trình và mô hình không gian liên quan ở một địa điểm, khu vực, vùng	- Mô tả, giải thích sự di chuyển, tác động của các khối khí, các loại gió..., phân tích ảnh hưởng của chúng đến nước ta - Mô tả/xác định các dạng địa hình, các hệ thống sông lớn, các loại đất, sinh vật của nước ta và phân tích ảnh hưởng của nó đến tự nhiên, kinh tế - xã hội
Tiêu chuẩn 2: Nhận thức điểm tương đồng, khác biệt giữa các quá trình và mô hình không gian giữa các địa điểm, khu vực, vùng	- Xác định điểm khác biệt giữa các loại gió, các khối khí tác động đến lãnh thổ nước ta
Tiêu chuẩn 3: Nhận thức mối liên hệ giữa vấn đề môi trường và các vấn đề kinh tế - xã hội	
Tiêu chuẩn 4: Nhận thức sự phụ thuộc lẫn nhau giữa con người và môi trường	Phân tích ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sự phát triển kinh tế - xã hội nước ta
2. Năng lực tìm hiểu địa lí	
Tiêu chuẩn 1: Đặt câu hỏi	
Tiêu chuẩn 2: Thu thập thông tin	- Thu thập các thông tin địa lí về khí hậu, địa hình, sông ngòi, đất đai, sinh vật thông qua đọc hiểu các

	tài liệu sơ cấp và thứ cấp (ví dụ mẫu báo, trích dẫn, số liệu điều tra...) về các nội dung học tập; - Thực hiện các tính toán địa lí (các phép đo trên bản đồ, lát cắt, sơ đồ, biểu đồ...); - Diễn giải, phân tích các loại đồ họa (bản đồ, biểu đồ, hình ảnh và các dạng đồ họa khác)
Tiêu chuẩn 3: Tổ chức thông tin	- Phân tích các nội dung từ các tài liệu (mẫu báo, trích dẫn, số liệu điều tra...) về các nội dung học tập. - Phân tích các nội dung khí hậu, địa hình, sông ngòi, đất đai, sinh vật dựa trên bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh và các dạng đồ thị khác
Tiêu chuẩn 4: Phân tích các thông tin	
Tiêu chuẩn 5: Trả lời câu hỏi	Trả lời câu hỏi, báo cáo một vấn đề thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở phạm vi địa phương
3. Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học	
Tiêu chuẩn 1: Vận dụng kiến thức và kĩ năng để giải thích các hiện tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội	Giải thích các hiện tượng liên quan đến các đặc điểm tự nhiên của nước ta (sự hình thành các loại gió mùa, các khu vực có đặc điểm tự nhiên đặc biệt...)
Tiêu chuẩn 2: Vận dụng kiến thức và kĩ năng để giải quyết các vấn đề và thách thức ở quy mô địa phương và quốc gia	Giải quyết các vấn đề, thách thức về môi trường, thiên tai, suy giảm tài nguyên thiên nhiên ở nước ta
Tiêu chuẩn 3: Xác định các giá trị và thái độ của cá nhân và các nhóm liên quan đến quá trình, mô hình không gian và sự tương tác của con người đối với môi trường	

3. Các bước đánh giá kết quả học tập của học sinh trong dạy học chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” – Địa lí 12 theo định hướng phát triển năng lực

Các năng lực và các tiêu chuẩn đánh giá trong dạy học chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” – Địa lí 12 là điều kiện cần đối với thực hiện đánh giá kết quả học tập của học sinh. Để thực hiện đánh giá theo các năng lực và tiêu chuẩn đó cần dựa trên cách thức

tiến hành phù hợp. Sau đây là sơ đồ khái quát các bước đánh giá kết quả học tập của học sinh:



4. Một số biện pháp đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh trong dạy học chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” – Địa lí 12 theo định hướng phát triển năng lực

4.1. Xây dựng kế hoạch đánh giá

Đánh giá là hợp phần không thể tách rời của quá trình dạy và học. Việc đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh trong dạy học cần được thực hiện đồng bộ với tất cả các khâu khác. Đó là căn cứ đề xuất biện pháp phối hợp giữa xây dựng kế hoạch bài học

và kế hoạch đánh giá kết quả học tập của học sinh theo định hướng phát triển năng lực. Đồng thời, cần phối hợp có hiệu quả các hình thức, phương pháp đánh giá với các hình thức, phương pháp giảng dạy.

- *Phối hợp xây dựng kế hoạch dạy học và kế hoạch đánh giá chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” – Địa lí 12 theo định hướng phát triển năng lực*

Kế hoạch bài học là sự chuẩn bị đầu tiên của giáo viên khi bắt đầu một tiến trình dạy học. Nó giúp giáo viên cân đối, chủ động trong việc tổ chức các hoạt động dạy học, chuẩn bị tốt về mặt phương tiện, phương pháp để đạt được các kết quả cao nhất. Kế hoạch dạy học theo định hướng phát triển năng lực cũng xác định các mục tiêu năng lực trong bài học, các tiêu chuẩn đánh giá hướng đến.

Bước 1: Cung cấp nội dung, bối cảnh, năng lực và tiêu chuẩn đánh giá

Bước 2: Phát triển các hoạt động và lựa chọn phương pháp giảng dạy

Bước 3: Xem xét về sự đa dạng và đề xuất các nguồn lực cho mỗi hoạt động:

Bước 4: Đưa ra chiến lược đánh giá đối với các hoạt động

Bước 5: Phân bổ thời gian

Kế hoạch dạy học chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” – Địa lí 12 tích hợp đánh giá kết quả học tập của học sinh theo định hướng phát triển năng lực: **Phụ lục 2**

- *Phối hợp các hình thức, phương pháp đánh giá với các hình thức, phương pháp dạy học*

Khi đánh giá được tích hợp trong bài học, nó sẽ chịu ảnh hưởng của bối cảnh lớp học và có sự tác động với các hoạt động giảng dạy và học tập. Vì thế, trong xây dựng kế hoạch đánh giá, cần có sự phối hợp hiệu quả giữa các phương pháp, hình thức dạy học và các phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm tăng cường hiệu quả tương tác, hỗ trợ giữa chúng. Sự phối hợp này nhằm mục đích thu thập có hiệu quả minh chứng về năng lực học sinh khi các em thực hiện nhiệm vụ đánh giá thông qua các hình thức và phương pháp dạy học.

Đối với dạy học chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” – Địa lí 12 hình thức, phương pháp dạy học khác nhau. Giáo viên yêu cầu học sinh làm việc theo các cá nhân, theo nhóm hoặc toàn lớp. Các bài tập này có thể kết hợp hiệu quả với phương pháp nêu và giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp vấn đáp. Việc thu thập thông tin về các năng lực của học sinh cũng cần bám sát các hoạt động của học sinh. Khi tổ chức hoạt động theo nhóm với các bài tập này, có thể kết hợp đánh giá năng lực hợp tác nhóm. Một bài tập để đánh giá năng lực nào đó của học sinh có thể xem là một bước của quy trình dạy học phát triển năng lực đó, nó vừa có vai trò thu thập thông tin phản hồi để hỗ trợ phát triển năng lực học sinh, vừa là thước đo để giáo viên kiểm chứng tính hiệu quả của các hoạt động dạy học đã thực hiện. Bên cạnh đó, với dạy học chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” – Địa lí 12 giáo viên còn thiết kế các câu hỏi tự luận và câu

hỏi trắc nghiệm khách quan. Những công cụ này cũng có thể được sử dụng ở cuối bài nhằm đánh giá hiệu quả dạy học để có biện pháp điều chỉnh. Minh họa cụ thể về kết hợp các hình thức, phương pháp dạy học khác nhau và các câu hỏi, bài tập đánh giá đối với chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” – Địa lí 12 theo **Phụ lục 2**

4.2. Xây dựng công cụ đánh giá

❖ *Xây dựng bài tập đánh giá kết quả học tập của học sinh trong dạy học chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” – Địa lí 12 theo định hướng phát triển năng lực*

Bài tập là công cụ quan trọng sử dụng trong đánh giá hằng ngày hoặc sử dụng để xây dựng các bài kiểm tra tổng kết. Sau khi đã có kế hoạch đánh giá, giáo viên thực hiện các bước tiếp sau đây để xây dựng bài tập bài tập đánh giá kết quả học tập của học sinh trong dạy học chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” – Địa lí 12 theo định hướng phát triển năng lực:

- Phát triển ý tưởng và phác thảo bài tập
- Thu thập dữ liệu, biên tập thông tin và các dạng đồ họa
- Hoàn thiện bài tập đánh giá
- Xác định công cụ chấm điểm
- Biên soạn công cụ chấm điểm

Các bước dưới đây mô tả cách thức xây dựng bài tập sử dụng trong dạy học chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” – Địa lí 12 mà tác giả thực hiện trong phần thực nghiệm. Kế hoạch đánh giá được xây dựng như sau:

✚ *Mục tiêu:* Năng lực 1: tiêu chuẩn 1; Năng lực 2: tiêu chuẩn 2 và 4; Năng lực 3: tiêu chuẩn 1.

✚ *Mục đích, đối tượng đánh giá:*

- Đánh giá điểm mạnh và điểm yếu và phát triển kiến thức, kĩ năng, giá trị của học sinh;
- Cung cấp các hỗ trợ bổ sung cho học sinh sau khi học xong bài chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” – Địa lí 12.
- Đánh giá theo cá nhân.

✚ *Hình thức, phương pháp đánh giá:* Đánh giá sản phẩm, đánh giá quá trình làm việc, sử dụng phương pháp kiểm tra viết.

Dựa trên kế hoạch này, các bước tiếp theo được tiến hành như sau:

- *Bước 1:* Xây dựng ý tưởng bài tập dựa trên một đoạn trích dẫn có liên quan đến thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa của nước ta. Bài tập sẽ được xây dựng gồm một đoạn trích dẫn và hệ thống các câu hỏi hướng đến các tiêu chuẩn, năng lực đã đề cập.
- *Bước 2:* Tìm kiếm và sử dụng nguyên văn một đoạn trích dẫn có nội dung về đặc điểm của khí hậu trong cuốn “Thiên nhiên Việt Nam” của Lê Bá Thảo.

- *Bước 3:* Dựa trên các phác thảo ban đầu và đoạn thông tin thu thập được để tiến hành xây dựng hoàn thiện được bài tập.
- *Bước 4:* Xác định sử dụng đáp án và thang điểm để đo lường kết quả thực hiện các câu hỏi trong bài tập.
- *Bước 5:* Hoàn thiện đáp án và thang điểm đối với từng câu hỏi.

Sau đây là một số bài tập đánh giá trong dạy học chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” – Địa lí 12:

BÀI TẬP 1

Sử dụng trích dẫn và các nguồn tài nguyên có liên quan khác để trả lời các câu hỏi:

“Ai cũng biết nước ta có hai mùa rõ rệt: một mùa khô mát hay rét và một mùa mưa nóng, phù hợp với hai thời kỳ xâm nhập của gió mùa đông bắc và gió mùa đông nam. Toàn bộ thiên nhiên cho đến hoạt động của con người đều chịu ảnh hưởng của nhịp điệu này, mặc dù ở miền Bắc thấy sâu sắc và rõ rệt hơn. Gió mùa đông bắc càng vào Nam càng yếu dần đi, đặc biệt là từ đèo Hải Vân trở vào thì chế độ nhiệt trong năm điều hoà hơn, chế độ mưa cũng vậy. Trái lại ở miền Bắc, đặc biệt là từ Nghệ Tĩnh trở ra, mùa hè lại mưa và nóng nhiều kéo theo lũ lụt và bão tố, còn mùa đông thì rét nhiều đến mức có sương muối.”

(Nguồn: Thiên nhiên Việt Nam, Lê Bá Thảo)

1. Các “thời kì xâm nhập của gió mùa Đông Bắc và gió mùa Đông Nam” được nhắc đến ở trích dẫn trên là vào thời gian nào trong năm?
2. Cho biết trung tâm xuất phát của gió mùa Đông Bắc và gió mùa Đông Nam được nhắc đến trong câu a?
3. Viết một đoạn văn ngắn (không quá 12 dòng) mô tả sự di chuyển của một trong hai khối khí từ các trung tâm xuất phát được nhắc đến trong câu b vào lãnh thổ nước ta.
4. Giải thích tại sao gió mùa đông bắc gây mưa ở vùng ven biển Bắc Bộ và Đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ cuối mùa đông.
5. Tại sao càng vào phía Nam của nước ta, đặc biệt là từ đèo Hải Vân trở vào thì ít hoặc hầu như không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc?

Hướng dẫn đánh giá được sử dụng để cung cấp cho học sinh:

	Mô tả yêu cầu	Điểm
1	Hai thời kì:	
(1,0 điểm)	+ Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau đối với gió mùa Đông Bắc	0,5
	+ Giữa và cuối mùa hạ hoặc từ tháng 6 đến tháng 10 đối với gió mùa Đông Nam	0,5

2 (1,0 điểm)	+ Cao áp Xibia đối với gió mùa Đông Bắc + Áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam đối với gió mùa Đông Nam	0,5 0,5
3 (3,0 điểm)	+ Trung tâm xuất phát + Hướng di chuyển + Tính chất + Sự thay đổi theo thời gian + Các tác động của nó đến khí hậu nước ta	0,5 0,5 0,5 0,5 1,0
4 (3,0 điểm)	+ Sự hình thành áp thấp Aleut ở ngoài khơi Thái Bình Dương nửa sau mùa đông + Tác động của nó làm cho khối khí lạnh di chuyển lệch về phía đông qua biển Nhật Bản và biển Đông Trung Hoa vào nước ta. + Trên đường di chuyển qua biển, khối khí bắt đầu bị biến tính mạnh vì nhiệt độ tăng nhận thêm nhiều hơi nước nên độ ẩm tăng → dẫn đến gây mưa cuối mùa.	1,0 1,0 0,5 0,5
5 (2,0 điểm)	Quãng đường di chuyển càng xa thì khối khí + bị biến tính + tăng ẩm + giảm lạnh + đặc biệt là bị ngăn cản bởi bức chắn địa hình là dãy Bạch Mã	1,0 0,5 0,5 1,0
Tổng		10

BÀI TẬP 2: GIÓ MÙA Ở BẮC BỘ

Ai cũng biết nước ta có hai mùa rõ rệt: một mùa khô mát (hay lạnh) và một mùa mưa nóng, ứng với hai mùa gió Đông Bắc và Đông Nam (hay Tây Nam). Tuy nhiên, nhịp điệu này ở Bắc Bộ là sâu sắc và rõ nét hơn cả.

Vào mùa đông, các đợt gió mùa Đông Bắc nối tiếp nhau tràn về, mang theo loại khí lạnh của miền Xibia xa xôi. Những cơn gió lạnh buốt mùa đông làm người đi đường bất giác phải kéo áo che ngực lại. Bầu trời xám một màu tro, xen kẽ là những ngày xuất hiện Mặt Trời và nắng ấm. Trong tiết trời khô hanh, những cành sấu đông gầy gò rụng hết lá, còn những chiếc lá bàng thì đỏ như trát một lớp son.

Vào mùa hạ, những đợt gió Đông Nam từ vùng biển Xích đạo tràn lên. Mở đầu là những cơn mưa đầu mùa, sấm và chớp dữ dội. Sau đó là thời gian của những ngày Mặt Trời đỏ rực như một quả cầu lửa lăn từ chân trời phía Đông sang chân trời phía

Tây bên trên mặt đất nóng hầm hập đến tận đêm khuya; thời gian của những trận mưa như trút tuôn ra từ những đám mây đen kịt, những cơn bão từ Biển Đông kéo vào gây tai họa.

Qua đoạn văn, hãy trả lời các câu hỏi sau:

1. Sự khác biệt về hướng và tính chất của gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ ở khu vực Bắc Bộ.
2. Nguyên nhân chủ yếu hình thành gió mùa
3. Nêu tác động của gió mùa tới đời sống và sản xuất của người dân khu vực Bắc Bộ

Hướng dẫn đánh giá được sử dụng để cung cấp cho học sinh:

	Mô tả yêu cầu	Điểm
1 (4,0 điểm)	- Về hướng gió: + gió mùa mùa đông có hướng Đông Bắc + gió mùa mùa hạ có hướng Đông Nam. - Về tính chất: + gió mùa mùa đông lạnh và khô + gió mùa mùa hạ nóng và ẩm.	1,0 1,0 1,0 1,0
2 (3,0 điểm)	- Sự khác biệt về khí áp giữa lục địa và đại dương. - Sự khác biệt về khí áp giữa bán cầu Bắc và bán cầu Nam. - Sự khác biệt về khí áp giữa đai khí áp cao cận nhiệt đới và đai khí áp thấp Xích đạo.	1,0 1,0 1,0
3 (3,0 điểm)	+ Nhiệt độ hạ thấp vào mùa đông ảnh hưởng đến sức khỏe của con người và vật nuôi, sự sinh trưởng của cây trồng. + Nhiệt độ thấp vào mùa đông khiến hệ thực vật đa dạng hơn. + Bão + Mưa nhiều vào mùa hạ có thể gây lũ lụt...	0,75 0,75 0,75 0,75
Tổng		10

❖ *Xây dựng bài kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh*

Bài kiểm tra là công cụ cơ bản sử dụng trong các đánh giá chính thức (đánh giá tổng kết). Kết quả của các bài kiểm tra sẽ cho thấy năng lực hoặc tiến bộ của người học ở bất cứ thời điểm cụ thể nào. Các bài kiểm tra cần được lên kế hoạch một cách rõ ràng và được thiết kế để ngư

ời học chứng minh năng lực. Sau khi xác định được các nội dung cơ bản như năng lực cần đánh giá, đối tượng, mục đích đánh giá, nhiệm vụ quan trọng là xây dựng ma trận đề để làm căn cứ viết câu hỏi.

Bài kiểm tra phải đáp ứng các tiêu chí sau đây:

- Bài kiểm tra phải tập trung vào đánh giá những năng lực cốt lõi, trọng tâm của chủ đề đánh giá những vấn đề đảm bảo tính bao quát.
- Câu hỏi trong bài kiểm tra phải đáp ứng tiêu chuẩn đề thi, đảm bảo phải rõ ràng, chính xác, dễ hiểu.
- Khi xây dựng câu hỏi cần chú ý cân đối thời gian để thiết kế câu hỏi phù hợp về cả độ khó, số lượng.
- Đối với các bài kiểm tra, cần đảm bảo tính bảo mật và có thể không cung cấp tiêu chí đánh giá như đối với các bài tập trong đánh giá quá trình.
- Tất cả các học sinh đều cùng thực hiện một bài kiểm tra.

Xây dựng ma trận và nội dung đề kiểm tra 15 phút

Ma trận đề kiểm tra

Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao	Tổng
<i>Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa</i>			1	1	2
<i>Các thành phần tự nhiên khác</i>	1	1			2
Điểm	3	3	2	2	10

Đề bài

Câu 1. (6,0 điểm) Nêu đặc điểm sông ngòi nước ta? Giải thích vì sao sông ngòi nước ta nhiều nước, giàu phù sa?

Câu 2. (4,0 điểm) Nêu đặc điểm thời tiết đặc trưng của địa phương em vào cuối mùa đông và giải thích nguyên nhân.

Đáp án và biểu điểm

Câu	Nội dung	Điểm
1	1. Đặc điểm sông ngòi nước ta	
	- Mạng lưới sông ngòi dày đặc nhưng chủ yếu là sông nhỏ	1,0
	- Sông ngòi nhiều nước, nhiều phù sa	1,0
	- Chế độ nước theo mùa	1,0
	2. Giải thích đặc điểm sông ngòi nhiều nước, giàu phù sa	
	- Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, mưa nhiều: Lượng mưa lớn từ 1500 – 2000mm	1,0
2	- Sông ngòi chảy qua nhiều miền địa hình khác nhau.	0,75
	- Quá trình xâm thực – bồi tụ của địa hình	0,75
	- Lượng nước từ ngoài lãnh thổ lớn	0,5
	1. Thời tiết đặc trưng của địa phương em vào cuối mùa đông	
	- Giới thiệu về địa phương: Hà Nội – Thuộc phần lãnh thổ phía Bắc	1,0

	- Đặc điểm thời tiết: Cuối mùa đông: lạnh, độ ẩm không khí cao, có mưa phùn; hiện tượng thời tiết nồm 2. Giải thích nguyên nhân - Nửa sau mùa đông, gió mùa đông bắc bị hút về phía biển Nhật Bản và Đông Hải sau đó vào nước ta. Khi đi qua biển, khối khí được tăng hơi ẩm nên khi vào nước ta dẫn đến hiện tượng mưa phùn ở đồng bằng Bắc Bộ, ven biển Bắc Trung Bộ của nước ta. Hà Nội thuộc đồng bằng Bắc Bộ nên có hiện tượng nửa sau mùa đông, lạnh ẩm, có mưa phùn. - Tuy nhiên, khi đi qua biển càng lâu, khối khí bị biến tính trở nên ẩm hơn nên khi vào miền Bắc nước ta cùng với độ ẩm không khí cao thường dẫn đến hiện tượng nồm	1,0 1,0 1,0
Tổng		10

❖ *Phát triển đánh giá thông qua nhiệm vụ nghiên cứu trong dạy học theo định hướng phát triển năng lực*

Đánh giá thông qua các nhiệm vụ nghiên cứu có nhiều ưu điểm vì bản chất của nhiệm vụ này gắn liền với những vấn đề có tính thực tiễn.

Để phát triển một nhiệm vụ đánh giá nghiên cứu, giáo viên thực hiện theo các bước như sau:

- 🚦 *Bước 1: Xây dựng ý tưởng và quyết định chủ đề nghiên cứu*
- 🚦 *Bước 2: Tổ chức cho học sinh xây dựng giả thuyết/ tuyên bố vấn đề*
- 🚦 *Bước 3: Cung cấp khung đánh giá và hướng dẫn nghiên cứu*
- 🚦 *Bước 4: Tổ chức cho học sinh thực hiện nghiên cứu*
- 🚦 *Bước 5: Đánh giá kết quả nghiên cứu*

Để thực hiện chủ đề theo bước 1, trước thời điểm tiết học 2 tuần, giáo viên cho học sinh tiếp cận chủ đề nghiên cứu. Sau đó học sinh nghiên cứu và viết báo cáo. Đối với chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” giáo viên đưa cho các em học sinh tìm hiểu về hiện tượng nồm ở miền Bắc và khô nóng ở Bắc Trung Bộ.

❖ *Sử dụng đa dạng các công cụ chấm điểm trong đánh giá kết quả học tập của HS*

Đánh giá kết quả học tập của học sinh trong dạy học chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” – Địa lí 12 theo định hướng phát triển năng lực chú trọng phát triển các nhiệm vụ đánh giá phức tạp, sử dụng đa dạng các phương pháp, công cụ đánh giá. Vì vậy, đòi hỏi phải đa dạng các công cụ chấm điểm như thang điểm, bảng kiểm, phiếu đánh giá. Nhưng đối với chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” – Địa lí 12, tác giả dùng hai công cụ chấm điểm sau:

- *Thang điểm* là hệ thống chấm điểm dựa vào kí hiệu (A hoặc B) hoặc một mức điểm được xác định chi tiết để liên kết điểm được mã hóa với mô tả về các năng lực cần thiết để đạt được điểm số đó. Giáo viên có thể xây dựng thang điểm theo kiểu chi tiết hóa mức độ để tăng tính chính xác và rõ ràng trong việc chấm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh. Ngoài ra, việc sử dụng thang điểm cũng nên được giới hạn trong các nhiệm vụ đánh giá kiến thức, kĩ năng đơn giản.

- *Phiếu đánh giá theo tiêu chí (Rubric)*: Rubric là sự kết hợp giữa thang đánh giá và mô tả các tiêu chuẩn.

Khi dạy chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” ý tưởng bài tập đánh giá một số năng lực dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam để mô tả hoạt động của gió mùa ở nước ta. Từ đó xây dựng bài tập với các tiêu chí đánh giá sau đây:

- + Mô tả hoạt động của gió mùa ở nước ta
- + Giải thích nguyên nhân hình thành gió mùa

Trên cơ sở các tiêu chí này, tiến hành xây dựng phiếu đánh giá tiêu chí Rubric như sau:

Dựa vào Bản đồ Khí hậu – Trang 9, Atlas Địa lí Việt Nam, kiến thức đã học và hiểu biết của bản thân, hãy:

- Mô tả hoạt động của gió mùa ở nước ta
- Giải thích nguyên nhân hình thành gió mùa

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ

Tiêu chí	Mức độ thể hiện	Điểm
1. Mô tả hoạt động của gió mùa	Mô tả đầy đủ, rõ ràng hoạt động của gió mùa mùa đông, gió mùa mùa hạ	5
	Mô tả tương đối đầy đủ, rõ ràng hoạt động của gió mùa mùa đông, gió mùa mùa hạ	4
	Mô tả hoạt động của gió mùa nhưng chưa đầy đủ, thiếu rõ ràng hoặc mô tả đầy đủ một trong hai loại mùa gió	2 -3
	Mô tả hoạt động của gió mùa nhưng sơ sài, không rõ ràng hoặc mô tả đầy đủ hoạt động của một loại gió mùa	1
	Không mô tả/ mô tả không chính xác.	0
2. Giải thích nguyên nhân hình thành gió mùa	Giải thích rõ ràng, đầy đủ	5
	Giải thích tương đối đầy đủ, rõ ràng	4
	Giải thích nguyên nhân hình thành gió mùa nhưng chưa đầy đủ và rõ ràng	2-3
	Giải thích nguyên nhân hình thành gió mùa chung chung và sơ sài, thiếu rõ ràng	1
	Giải thích không đúng/ không giải thích	0

4.3. Thực hiện đánh giá

❖ Phối hợp giữa đánh giá của giáo viên với các đánh giá của học sinh

Một trong những điều kiện quan trọng cải thiện chất lượng học tập của học sinh là chính các em phải phát triển khả năng giám sát chất lượng công việc của mình. Theo quan điểm kiến tạo trong học tập, học sinh nên đóng vai trò chủ động trong việc đánh giá cả bản thân lẫn bạn học. Điều này có vai trò tích cực đối với học sinh bằng cách giúp các em kiểm soát nhiều hơn và tăng cường trách nhiệm đối với việc học của mình. Khi tham gia đánh giá, học sinh sẽ tiếp tục học được từ nó thông qua việc xác định điểm mạnh, điểm yếu và cải thiện kết quả học tập của mình. Giáo viên có thể phát triển các đánh giá của học sinh thông qua tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng. Đối với tự đánh giá, học sinh đối chiếu sản phẩm thể hiện năng lực của mình với các công cụ chấm điểm để nhận biết và đánh giá được năng lực của bản thân. Kết quả đánh giá được ghi lại trong phiếu tự đánh giá mà giáo viên đã hướng dẫn cho học sinh. Cũng với một cách thức như vậy, học sinh sẽ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của bạn bè hoặc nhóm khác khi các em tham gia đánh giá đồng đẳng.

Cụ thể đối với dạy học chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” – Địa lí 12, giáo viên và học sinh cùng xây dựng các tiêu chí đánh giá để học sinh tự đánh giá và đánh giá bạn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập theo phiếu đánh giá **Phụ lục 4**

❖ Sử dụng đa dạng và kết hợp các hình thức đánh giá và phản hồi

Đánh giá có thể được thực hiện bằng cách cho điểm hoặc nhận xét và phản hồi cho người học bằng cách nói hoặc viết. Để đánh giá phát huy hết các chức năng, giáo viên không nên chỉ thiên về lựa chọn một trong số các hình thức đó mà cần đa dạng hóa các hình thức phản hồi và đánh giá. Bảng dưới đây mô tả một số kiểu và chiến lược phản hồi thông tin trong đánh giá có thể sử dụng trong chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” – Địa lí 12, giữa chúng có sự khác nhau về mặt mục đích, kiểu loại và bản chất:

	Kiểu phản hồi		Chiến lược cung cấp phản hồi
Phản hồi đánh giá	1	Khen thưởng	Trao học sinh phần thưởng
	2	Phạt	Đưa ra hình phạt
	3	Phê duyệt	Bày tỏ sự chấp thuận/ đồng tình
	4	Không chấp nhận	Bày tỏ sự phản đối
Phản hồi mô tả	5	Chỉ định sự đạt được	Xác định tính chính xác của câu trả lời (đúng/sai). Mô tả lý do tại sao một câu trả lời là đúng hoặc sai và nói cho học sinh những gì họ đã/chưa đạt được
	6	Quy định cụ thể sự cải thiện	Quy định cụ thể hoặc gợi ý cho học sinh một cách tốt hơn để giải quyết vấn đề.

	7	Cùng học sinh xây dựng thành tích	Thảo luận với học sinh các đặc điểm của một phần của công việc
	8	Cùng học sinh cải thiện thành tích	Yêu cầu học sinh đề xuất cách cải thiện

❖ *Phối hợp đánh giá năng lực đặc thù và các năng lực chung*

Phát triển các năng lực bộ môn là nhiệm vụ xuyên suốt toàn bộ quá trình dạy học của người giáo viên nhằm hướng đến việc đạt được các năng lực theo yêu cầu. Song song với quá trình này, giáo viên còn phải chú trọng phát triển ở học sinh một số năng lực chung theo định hướng của chương trình giáo dục phổ thông.

Hệ thống các năng lực chung được xác định trong chương trình rất đa dạng, được hình thành và phát triển thông qua nhiều môn học. Đối với Địa lí 12 nói chung và chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” nói riêng, các năng lực chung giáo viên cần chú trọng phát triển cho học sinh là năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp, năng lực tự học...

Việc đánh giá các năng lực chung về mặt lý thuyết, có thể sử dụng quy trình đánh giá tương tự như đối với bất cứ năng lực chuyên biệt nào. Tuy nhiên, như đã phân tích, sự phát triển các năng lực chuyên môn và năng lực chung có mối quan hệ chặt chẽ. Mặt khác, mỗi hoạt động học tập và đánh giá kết quả học tập được thiết kế đều tập trung hoặc xoay quanh phát triển năng lực chuyên môn nên việc đánh giá các năng lực chung cần được thực hiện trong sự phối hợp với đánh giá các năng lực này.

Điều này thể hiện trước hết trong xây dựng kế hoạch đánh giá. Mỗi hoạt động dạy học và đánh giá trong các bài học được xây dựng dưới một hình thức và phương pháp cụ thể, do đó sẽ phù hợp với việc kết hợp đánh giá những năng lực chung nhất định. Trong đó, giáo viên cần chú ý:

- Đối với năng lực hợp tác, cần đánh giá thông qua các nhiệm vụ đánh giá theo nhóm, yêu cầu có sự hợp tác giữa các thành viên.
- Đối với năng lực tự học, giáo viên trên cơ sở xác định, giao cho học sinh các nội dung và hướng dẫn các em tự học để thực hiện đánh giá.
- Các năng lực khác như năng lực giao tiếp, trong quá trình dạy học giáo viên có thể đánh giá trong bất cứ nhiệm vụ đánh giá nào.

Trên cơ sở các thành tố đánh giá mỗi năng lực, giáo viên có thể xây dựng các công cụ đánh giá để đánh giá các năng lực này. Các công cụ đánh giá như bảng kiểm, rubric... là những công cụ hiệu quả để đánh giá năng lực chung.

III - THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

1. Mục đích thực nghiệm

Tổ chức thực nghiệm sư phạm nhằm kiểm chứng tính khả thi, hiệu quả của việc thực hiện các biện pháp đánh giá kết quả học tập của học sinh trong dạy học chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” - Địa lí 12 theo định hướng phát triển năng lực đã đề xuất.

2. Tổ chức thực nghiệm

2.1. Tiến trình thực nghiệm

- Đối tượng thực nghiệm:

Lớp thực nghiệm(TN): Lớp 12D1; Lớp đối chứng(ĐC): Lớp 12D5

- Tổ chức thực nghiệm: Kế hoạch dạy học chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” theo **Phụ lục 2**

2.2. Kết quả thực nghiệm

❖ Kết quả các bài kiểm tra và đánh giá của giáo viên, học sinh

Sau khi học xong chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” – Địa lí 12, giáo viên cho học sinh làm một bài kiểm tra 15 phút. Cùng với kết quả bài kiểm tra và các đánh giá trong quá trình dạy học chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” theo định hướng phát triển năng lực, tác giả đã tổng hợp, phân tích để đánh giá hiệu quả sau các giai đoạn học tập và có cơ sở để so sánh giữa lớp thực nghiệm và lớp đối chứng. Kết quả cụ thể:

Lớp	Sĩ số		Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
12D1	50	Số HS	35	15	0	0	0
		Tỉ lệ %	70.0	30.0	0.0	0.0	0.0
12D5	48	Số HS	24	16	8	0	0
		Tỉ lệ %	50.0	33.3	16.7	0.0	0.0

Theo bảng số liệu thống kê trên cho thấy, lớp thực nghiệm không có học sinh xếp ở mức năng lực trung bình, yếu, kém.

Như vậy, xét về tỉ lệ học sinh đạt các mức năng lực khác nhau theo xếp loại thì ưu thế thuộc về lớp thực nghiệm. Lớp thực nghiệm có tỉ lệ học sinh đạt mức năng lực cao nhiều hơn và dĩ nhiên có điểm trung bình cao hơn. Dấu hiệu tích cực trên cho thấy, các biện pháp tác động bước đầu đã có những tác động tích cực đến thành tích (sự phát triển năng lực) của học sinh.

❖ Kết quả khảo sát ý kiến của học sinh sau thực nghiệm

Khi khảo sát học sinh hai lớp thực nghiệm và đối chứng với tổng số 98 học sinh về mức độ hứng thú khi tham gia thực nghiệm theo phiếu và được đánh giá theo định hướng mới, tác giả nhận được kết quả tập trung vào mức độ hứng thú và rất hứng thú. Cụ thể:

Lớp	Mức độ hứng thú				
	1	2	3	4	5
12D1	0	1	2	19	28
12D5	0	2	2	14	20
Tổng số học sinh	0	3	4	33	48
Tỉ lệ(%)	0.0	3.1	4.1	33.7	49.0

(1–Không hứng thú; 2–Ít hứng thú; 3–Bình thường; 4–Hứng thú; 5–Rất hứng thú)

Bên cạnh đó, tác giả có cuộc khảo sát 98 học sinh của hai lớp để làm rõ thêm về sự hứng thú của học sinh qua các khía cạnh cụ thể hơn. Kết quả được tác giả tổng hợp và sắp xếp như sau:

	Các nội dung tham gia	Mức độ hứng thú					
		1	2	3	4	5	Trung bình
1	Nghe, đọc phản hồi của giáo viên	0	5	7	18	68	4.5
2	Đánh giá bài làm của bạn bè	0	4	6	15	73	4.6
3	Sử dụng các công cụ chấm điểm mới	0	6	7	30	55	4.4
4	Trả lời câu hỏi, bài tập theo định hướng phát triển năng lực	0	5	8	27	58	4.4
5	Tham gia xây dựng tiêu chí đánh giá	0	9	15	21	53	4.2
6	Tự đánh giá kết quả của mình	0	8	17	21	52	4.2

Chú ý: Mức độ hứng thú trung bình = $\frac{1}{n} \sum_{k=1}^n xk$ (trong đó: n là tổng số học sinh; x : số học sinh của mỗi mức độ; k là các giá trị điểm số)

Căn cứ vào mức độ hứng thú trung bình chung các khía cạnh được mô tả trong bảng trên, ta thấy học sinh có hứng thú đối với tất cả các khía cạnh khảo sát (điểm trung bình dao động từ 4,2 đến 4,6 tức là nằm trong khoảng hứng thú đến rất hứng thú). Đây là những kết quả có tính tích cực, phản ánh hiệu quả của các biện pháp đã thực hiện trong quá trình thực nghiệm.

PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết quả đạt được của đề tài

Đề tài nghiên cứu về một số biện pháp đổi mới đánh giá trong dạy học, đây là một trong những nội dung quan trọng của tổ chức dạy học theo định hướng phát triển năng lực. Giáo dục dựa trên năng lực là một tiếp cận mới, tích cực hướng đến hình thành và phát triển ở người học những năng lực cần thiết. Đánh giá theo định hướng phát triển năng lực dựa trên các năng lực và các tiêu chuẩn đánh giá được xác định một cách rõ ràng; chú trọng phát triển đánh giá trên lớp học; phát triển các công cụ đánh giá khuyến khích khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ và các giá trị vào giải quyết các vấn đề thực tiễn hoặc các vấn đề có tính thực tiễn; và khuyến khích sự tham gia của học sinh vào hoạt động đánh giá.

Để tạo tiền đề cho việc thực hiện đánh giá kết quả học tập của học sinh trong dạy học chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” - Địa lí 12 theo định hướng phát triển năng lực, đề tài đã xác định và mô tả hệ thống năng lực đặc thù cùng với các tiêu chuẩn đánh giá. Khi tiến hành đánh giá kết quả học tập của học sinh trong dạy học theo định hướng phát triển năng lực cần tuân thủ các nguyên tắc chung của đánh giá trong giáo dục và theo những yêu cầu đặc trưng. Đánh giá kết quả học tập của học sinh trong dạy học theo định hướng phát triển năng lực phải là một quá trình liên tục; các tiêu chí đánh giá phải được

công khai đến người học; kết quả đánh giá phải dựa trên các công cụ và phương pháp đa dạng; phải tạo điều kiện để các thành phần khác tham gia đánh giá.

Để thực hiện đánh giá trong dạy học chủ đề “Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa”- Địa lí 12 theo định hướng phát triển năng lực, giáo viên cần áp dụng các biện pháp tích hợp hoạt động đánh giá vào kế hoạch dạy học; sử dụng đa dạng các công cụ đánh giá, đặc biệt là các bài tập có tính thực tiễn, nhiệm vụ nghiên cứu và các công cụ chấm điểm hiệu quả; khuyến khích các đánh giá của học sinh kết hợp với sử dụng các hình thức đánh giá và phản hồi tích cực trong thực hiện đánh giá. Áp dụng tổng thể các biện pháp này góp phần đưa đánh giá vào dạy học, biến nó trở thành hoạt động có tính thường xuyên, liên tục và có sự hấp dẫn đối với học sinh. Quan trọng nhất là sử dụng tối đa chức năng của đánh giá trong việc cải thiện học tập, góp phần hỗ trợ phát triển năng lực học sinh.

Chính vì vậy việc đổi mới hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh, một hoạt động có ý nghĩa rất lớn đối với công tác giảng dạy của giáo viên và nhiệm vụ học tập của học sinh, góp phần đổi mới phương pháp và nâng cao chất lượng dạy học địa lí ở trường phổ thông theo định hướng phát triển năng lực.

2. Khuyến nghị

- **Đối với các cấp lãnh đạo:** Cần chú trọng bồi dưỡng cho giáo viên về quy trình thực hiện, phương pháp đánh giá, cách thức xây dựng công cụ đánh giá kết quả học tập của học sinh theo định hướng phát triển năng lực.
- **Đối với giáo viên**
 - Nên xây dựng kế hoạch đánh giá tổng thể trong năm học.
 - Nên tăng cường tìm kiếm thông tin, tư liệu từ các nguồn khác, đặc biệt là từ Internet để xây dựng công cụ đánh giá hoặc cũng có thể tự biên tập chúng.
 - Cần nâng cao năng lực sử dụng công nghệ thông tin
 - Cần hướng dẫn và tạo điều kiện cho học sinh tham gia vào quá trình đánh giá.
- **Đối với học sinh**
 - Cần chủ động tích cực trong học tập, chiếm lĩnh tri thức và rèn luyện các kỹ năng.
 - Cần chủ động trong việc tự đánh giá bản thân và đánh giá bạn để thấy rõ những ưu, nhược điểm của bản thân để có những điều chỉnh tích cực trong học tập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Hồ Sỹ Anh* (2013), “Tìm hiểu về kiểm tra đánh giá học sinh và đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực”, Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, (50); tr.131-143.
2. *Nguyễn Thành Ngọc Bảo* (2014), “Bước đầu tìm hiểu khái niệm “đánh giá theo năng lực” và đề xuất một số hình thức đánh giá năng lực ngữ văn của học sinh”, Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, (56), tr.157-163.
3. *Bộ Giáo dục và Đào tạo* (2006), Chương trình giáo dục phổ thông môn Địa lí (Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 5 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
4. *Bộ Giáo dục và Đào tạo* (2011), Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT (Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
5. *Bộ Giáo dục và Đào tạo* (2018), Dự thảo Chương trình Giáo dục phổ thông môn Địa lí, Hà Nội. 10. *Bộ Giáo dục và Đào tạo* (2014), Tài liệu tập huấn dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực HS môn Địa lí cấp Trung học phổ thông, Hà Nội.
6. *Bộ Giáo dục và Đào tạo* (2018), Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể trong Chương trình Giáo dục phổ thông mới, Hà Nội.
7. *Bộ Giáo dục và Đào tạo* (2020), Thông tư 26-2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 sửa đổi, bổ sung Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT
8. *Đặng Văn Đức, Nguyễn Thu Hằng* (2003), Phương pháp dạy học Địa lí theo hướng tích cực, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
9. *Đặng Văn Đức* (2017), “Đổi mới kiểm tra đánh giá trong dạy học Địa lí theo định hướng phát triển năng lực”, Tạp chí Khoa học trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 62(1), tr. 96-103.
10. *Nguyễn Thu Hà* (2014), “Giảng dạy theo năng lực và đánh giá theo năng lực trong giáo dục: một số vấn đề lí luận cơ bản”, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, 30(2); tr.56-64.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN HỌC SINH LỚP 12 THPT

(Về thực trạng đánh giá kết quả học tập của HS)

THÔNG TIN HỌC SINH

Họ tên học sinh Lớp.....

Ban: ☐ KHTN ☐ KHXH

Kết quả học tập môn Địa lí lớp 11:

☐ Giỏi ☐ Khá ☐ Trung bình ☐ Yếu

Ý KIẾN HỌC SINH

Em có hứng thú với việc kiểm tra, đánh giá của giáo viên trong quá trình học tập môn Địa lí không?

Rất hứng thú	☐	Hứng thú	☐	Khá hứng thú	☐
Bình thường	☐	Không hứng thú	☐		

Tác dụng quan trọng nhất của kiểm tra, đánh giá trong môn Địa lí

Củng cố và ôn tập kiến thức đã học	☐
Rèn luyện ngôn ngữ nói, viết và cách lập luận vấn đề	☐
Điểm số kết quả học tập	☐
Biết được những sai sót để điều chỉnh phương pháp học	☐

Kết quả kiểm tra, đánh giá có phản ánh chính xác năng lực của em

Rất chính xác	☐	Khá chính xác	☐	Không chính xác	☐
Chính xác	☐	Ít chính xác	☐		

Em hãy đưa ra lý do giải thích cho lựa chọn của mình:

Kết quả đánh giá của giáo viên có thực sự công bằng giữa các bạn không?

Rất công bằng	☐	Khá công bằng	☐	Không công bằng	☐
Công bằng	☐	Ít công bằng	☐		

Em hãy đưa ra lý do giải thích cho lựa chọn của mình:

Em thích được kiểm tra, đánh giá bằng hình thức nào dưới đây

Viết ☐ Vấn đáp ☐ Quan sát ☐

Hình thức khác:

Em có muốn được thầy/ cô nhận xét, phản hồi cụ thể về bài kiểm tra hoặc sản phẩm học tập, thảo luận nhóm của em không

Rất muốn	☐	Muốn	☐	Không quan tâm	☐	Không muốn	☐
----------	--------------------------	------	--------------------------	----------------	--------------------------	------------	--------------------------

Em đã bao giờ tự đánh giá kết quả bài kiểm tra của mình chưa

Rất thường xuyên	☐	Thỉnh thoảng	☐
------------------	--------------------------	--------------	--------------------------

Thường xuyên

☐

Hiếm khi

☐

Chưa bao giờ

☐

Em đã bao giờ được đánh giá kết quả kiểm tra của bạn chưa?

Rất thường xuyên

☐

Thỉnh thoảng

☐

Thường xuyên

☐

Hiếm khi

☐

Chưa bao giờ

☐

Em hãy cho ví dụ về một câu hỏi mà giáo viên sử dụng trong kiểm tra, đòi hỏi em phải liên hệ thực tiễn mới có thể trả lời được?

.....

.....

Em hãy kể tên các năng lực em cần phát triển trong học tập môn Địa lí?

.....

.....

Nếu được đề xuất để việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Địa lí tốt hơn, em đề xuất điều gì?

.....

.....

PHỤ LỤC 2

KẾ HOẠCH DẠY HỌC TÍCH HỢP
HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH
CHỦ ĐỀ: THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA

Lớp dạy: 12D1, 12D5

Thời gian: 02 tiết

I. MỤC TIÊU:**1. Về kiến thức:**

- Trình bày được các biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa thông qua khí hậu và các thành phần tự nhiên khác.
- Phân tích được các nguyên nhân khiến thiên nhiên nước ta mang tính nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta.
- Phân tích được ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất và đời sống.
- Sử dụng được Atlas địa lí Việt Nam, bản đồ tự nhiên Việt Nam, số liệu thống kê để trình bày đặc điểm thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa

2. Về năng lực:

- Năng lực tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo, giao tiếp và hợp tác
- Sử dụng bản đồ, lược đồ, số liệu, hình ảnh.... đọc được biểu đồ khí hậu, phân tích mối quan hệ giữa các nhân tố hình thành và phân hóa khí hậu
- Vận dụng, liên hệ thực tế ở địa phương

NL2: Người học có thể chứng minh kiến thức và sự hiểu biết về các quy trình và các mô hình không gian liên quan đến sự tương tác giữa con người, giữa con người và môi trường trong không gian và thời gian.	NL1: Người học có thể chứng minh một loạt các kỹ năng và kỹ thuật địa lý	NL3: Người học có thể áp dụng địa lý kỹ năng và kiến thức cho hiện tượng, vấn đề con người và môi trường và thách thức, nhận ra các giá trị và thái độ và thể hiện khả năng đề xuất các giải pháp khả thi và chiến lược
<i>Các tiêu chuẩn đánh giá</i> ☒ Nhận thức quá trình và mô hình không gian liên quan ở các địa điểm, khu vực, vùng ☒ Nhận thức điểm tương đồng, khác biệt trong quá trình và mô hình không gian giữa các địa điểm, khu vực, vùng	<i>Các tiêu chuẩn đánh giá</i> ☐ Đặt câu hỏi địa lí ☒ Thu thập thông tin ☐ Tổ chức thông tin ☒ Phân tích thông tin ☐ Trả lời câu hỏi	<i>Các tiêu chuẩn đánh giá</i> ☒ Vận dụng kiến thức và kỹ năng để giải thích các hiện tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội ở quy mô địa phương và quốc gia ☒ Vận dụng kiến thức và kỹ năng để giải quyết các vấn đề có tính thực tiễn ở quy mô địa

☐ Nhận thức mối liên hệ giữa vấn đề môi trường và các vấn đề xã hội ở quy mô địa phương và quốc gia ☐ Nhận thức sự phụ thuộc lẫn nhau giữa con người và môi trường ở quy mô địa phương và quốc gia		phương và quốc gia ☒ Xác định giá trị và thái độ của cá nhân và các nhóm liên quan đến quá trình, mô hình không gian và sự tương tác của con người đối với môi trường ở quy mô địa phương và quốc gia
---	--	--

3. Về phẩm chất:

- Yêu quê hương, đất nước
- Có trách nhiệm với môi trường tự nhiên

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Các thiết bị dạy học và học liệu

- Máy tính, máy chiếu
- Tranh ảnh, video.
- Bản đồ Tự nhiên Việt Nam
- Bảng số liệu nhiệt độ và lượng mưa
- Phiếu học tập
- Átlát địa lí Việt Nam
- SGK

2. Câu hỏi chính

- (1). Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta biểu hiện qua những yếu tố nào?
- (2). Nguyên nhân nào dẫn đến những điều đó?
- (3). Vì sao nước ta có lượng mưa lớn?
- (4). Nước ta nằm trong sự tác động của các vành đai gió nào?
- (5). Cách thức và hệ quả mà các loại gió đó tác động đến lãnh thổ nước ta?
- (6). Biểu hiện của tính nhiệt đới ẩm gió mùa của các thành phần tự nhiên khác?
- (7). Điều đó mang lại ý nghĩa gì?
- (8). Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa có ảnh hưởng như thế nào đến sản xuất và đời sống?

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

2. Hoạt động học tập:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (05 phút)

a) Mục tiêu: HS gợi nhớ lại những đặc điểm chính của khí hậu đã được học bậc THCS và nhớ lại các đặc điểm vị trí địa lí nước ta. Tìm ra những nội dung HS chưa biết, để từ đó bổ sung và khắc sâu những kiến thức của bài học cho HS.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) Sản phẩm: HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chiếu một số hình ảnh về thời tiết và khí hậu nước ta cho biết hình ảnh đó ở đâu? Diễn ra vào thời gian nào trong năm? Đặc điểm? / hoặc bản đồ Tự nhiên Việt Nam, yêu cầu HS sử dụng Atlas trang 9. Xác định các đặc điểm chủ yếu của khí hậu nước ta.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu đặc điểm nhiệt đới ẩm gió mùa của khí hậu (20 phút)

Mục tiêu: học sinh biết được nguyên nhân, biểu hiện khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta.

Phương pháp, kỹ thuật dạy học: Sử dụng phương tiện trực quan, đàm thoại gợi mở.

Hình thức tổ chức: Cá nhân/ cặp.

Câu hỏi chính	Các bước	Thông tin phản hồi
1,2,3&4	Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tính chất nhiệt đới của khí hậu (cả lớp) - <i>Bước 1:</i> GV yêu cầu HS dựa vào SGK và kết hợp bảng số liệu, quan sát bản đồ khí hậu, em hãy nhận xét tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta. - <i>Bước 2:</i> HS trả lời, các HS khác bổ sung. GV chuẩn kiến thức và yêu cầu HS giải thích thêm vì sao nước ta có nền nhiệt độ cao?	1. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa a. Tính chất nhiệt đới - <i>Biểu hiện:</i> + Nhiệt độ trung bình năm cao: 22-27°C, từ Quảng Ngãi trở vào Nam nhiệt độ trên 25°C. + Tổng bức xạ lớn: > 130 kcal/cm²/năm + Số giờ nắng: 1400-3000 giờ/năm + Cân bằng bức xạ dương quanh năm, đạt 75 kcal/cm²/năm - <i>Nguyên nhân:</i> Do nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến: góc nhập xạ lớn, tất cả các địa điểm đều có hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh.

	Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu lượng mưa, độ ẩm (cả lớp) - <i>Bước 1:</i> Yêu cầu HS dựa vào <i>Átlát Địa lí Việt Nam</i> (trang 7), cho biết vì sao nước ta có lượng mưa lớn. - <i>Bước 2:</i> HS quan sát, suy nghĩ và trả lời. GV bổ sung và chuẩn kiến thức. (Do hướng núi Tây Bắc – Đông Nam tạo điều kiện cho gió Đông Nam từ biển thổi vào hút dọc theo các thung lũng sông xâm nhập vào lãnh thổ phía Tây nên lượng mưa phân bố tương đối đều trong cả nước) Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu về tính chất gió mùa của khí hậu (nhóm) - <i>Bước 1:</i> GV yêu cầu HS xác định Việt Nam nằm trong vành đai gió nào, các trung tâm xuất phát, hướng gió. - <i>Bước 2:</i> HS dựa vào bản đồ và hiểu biết của bản thân để trả lời. - <i>Bước 3:</i> GV kết luận và giải thích thêm về bản chất gió mùa ở nước ta - <i>Bước 4:</i> GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ: + Nhóm 1: Nghiên cứu hình 9.1, hình 9.3 và <i>Átlát Địa lí Việt Nam</i> trang 7 tìm hiểu gió mùa mùa đông ở nước ta. + Nhóm 2: Nghiên cứu hình 9.2, hình 9.3 và <i>Átlát Địa lí Việt Nam</i> trang 7 tìm hiểu gió mùa mùa hạ ở nước ta. Cả hai nhóm cùng hoàn thành bảng tóm tắt do GV cung cấp.	b. Lượng mưa, độ ẩm lớn. - <i>Biểu hiện:</i> + Lượng mưa nước ta lớn: trung bình 1500 - 2000 mm/năm (sườn đón gió: 3500-4000 mm/năm) + Độ ẩm cao > 80% + Cân bằng ẩm luôn dương - <i>Nguyên nhân:</i> Do nằm trong khu vực nhiệt đới nên nhiệt độ cao, lượng bốc hơi lớn, giáp Biển Đông và nằm trong khu vực hoạt động của gió mùa. c. Gió mùa
--	---	--

		- <i>Bước 5:</i> GV tổ chức cho các nhóm trao đổi thông tin, thảo luận và hoàn thành bảng, sau đó đại diện nhóm lên trình bày, các nhóm bổ sung thông tin.				
<i>Gió mùa</i>	<i>Nguồn gốc</i>	<i>Phạm vi</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Hướng gió</i>	<i>Tính chất</i>	<i>Ảnh hưởng</i>
Gió mùa mùa đông	Áp cao Xibia	Miền Bắc	Tháng 11 đến tháng 4 năm sau	Đông Bắc	-Đầu mùa: lạnh khô -Cuối mùa: lạnh ẩm	Mùa đông lạnh ở miền Bắc
Gió mùa mùa hạ	Áp cao Bắc Ấn Độ Dương	Cả nước	Nửa đầu mùa hạ	Tây Nam	Nóng, ẩm	Mưa: Nam Bộ, Tây Nguyên Khô nóng: Bắc Trung Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ
	Áp cao cận chí tuyến Bán Cầu Nam	Cả nước	Giữa và cuối mùa hạ	Tây Nam Đông Nam (Bắc Bộ)	Nóng, ẩm	Mưa cho cả nước
Hoạt động 2.2: Tìm hiểu các thành phần tự nhiên khác (20 phút) - <i>Mục tiêu:</i> HS biết được nguyên nhân và biểu hiện của tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa ở các thành phần khác và của cảnh quan thiên nhiên nước ta - <i>Phương pháp, kỹ thuật dạy học:</i> Thảo luận nhóm, sử dụng phương tiện trực quan - <i>Hình thức tổ chức:</i> Nhóm						
Câu hỏi chính		Các bước			Thông tin phản hồi	
5, 6 & 7		- <i>Bước 1:</i> GV chia lớp làm 4 nhóm thảo luận về tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa thể hiện qua các thành phần tự nhiên. + Nhóm 1: Dựa vào bản đồ Địa lí tự nhiên, nội dung SGK và một số hình ảnh tìm hiểu về thành phần địa hình nước ta, nêu ảnh hưởng của địa hình xâm thực, bồi tụ mạnh đến việc sử dụng đất.			2. Các thành phần tự nhiên khác	

		+ Nhóm 2: Dựa vào Átlát Địa lí Việt Nam, bản đồ Tự nhiên Việt Nam để kể tên các dòng sông lớn ở nước ta, giải thích tại sao hàm lượng phù sa của sông Hồng lớn hơn sông Cửu Long, tại sao chế độ nước của sông Cửu Long điều hoà hơn sông Hồng. + Nhóm 3: Quan sát các phẫu diện đất ở đồi núi, đồng bằng... và dựa vào Átlát Địa lí VN tìm hiểu về thành phần đất để trả lời câu hỏi: Đá ong hoá là gì, thường xuất hiện ở đâu, giải thích. + Nhóm 4: Quan sát một số hình ảnh về rừng, động thực vật cùng Átlát Địa lí Việt Nam tìm hiểu về thành phần sinh vật, xác định rừng nguyên sinh ở nước ta hiện nay phân bố ở nơi nào. Các nhóm hoàn thành phiếu học tập - <i>Bước 2</i>: HS các nhóm trao đổi thông tin, thảo luận đồng thời trả lời các câu hỏi để hoàn thành bảng và đại diện các nhóm lên trình bày. - <i>Bước 3</i>: GV nhận xét, trao đổi và đưa ra đánh giá đối với các nhóm		
Thành phần	Biểu hiện	Nguyên nhân	Ý nghĩa	
Địa hình	<i>* Xâm thực mạnh ở vùng đồi núi</i> - Bề mặt địa hình bị cắt xẻ, đất bị xói mòn, rửa trôi, nhiều nơi trơ sỏi đá. - Hiện tượng đất trượt, đá lở - Địa hình ở vùng núi đá vôi có nhiều hang động, suối cạn, thung khô. - Các vùng thềm phù sa cổ bị chia cắt thành các đồi thấp xen thung lũng rộng	- Địa hình : $\frac{3}{4}$ diện tích là đồi núi $\rightarrow$ độ dốc lớn, cắt xẻ mạnh - Khí hậu: nhiệt đới ẩm gió mùa, nền nhiệt- ẩm lớn $\rightarrow$ quá trình phong hóa xảy ra mạnh - Thảm thực vật đa dạng nhưng đang mất dần đi	- Khắc sâu tính trẻ của địa hình, làm mềm mại núi, đồi và bán bình nguyên. - Xói mòn, rửa trôi, đất bạc màu ở miền núi ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất.	

	<i>* Bồi tụ nhanh ở đồng bằng hạ lưu sông.</i> Rìa phía đông nam của ĐBSH và phía tây nam ĐBSCL hằng năm lấn ra biển vài chục đến hàng trăm mét. → Quá trình xâm thực-bồi tụ là quá trình chính trong sự hình thành và biến đổi địa hình Việt Nam hiện tại		
Sông ngòi nhỏ	- Mạng lưới sông ngòi dày đặc nhưng phần lớn là sông nhỏ + 2360 sông có chiều dài > 10km + Dọc bờ biển: 20km/1 cửa sông - Sông ngòi nhiều nước, giàu phù sa + Lượng nước lớn: tổng lượng nước- 839 tỉ m³/năm(trong đó 60% lượng nước là từ phần lưu vực nằm ngoài lãnh thổ) + Tổng lượng phù sa: 200 triệu tấn - Chế độ nước theo mùa + Nhịp điệu dòng chảy sông ngòi theo sát nhịp điệu mưa Mùa mưa- mùa lũ Mùa khô- mùa cạn + Chế độ dòng chảy sông ngòi diễn biến thất thường	- Địa hình nước ta bị cắt xẻ mạnh - Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với nhiệt độ cao phong hóa xảy ra mạnh và lượng mưa lớn, thay đổi theo mùa - Sông chảy qua nhiều miền địa hình khác nhau	- Giá trị giao thông, thủyđiện. - Lũ lụt, lũ quét, xây dựng nhiều cầu cống.

Đất	Quá trình Feralit là quá trình hình thành đất đặc trưng cho vùng khí hậu nhiệt đới ẩm - Lớp đất dày, đất chua và có màu đỏ vàng - Quá trình feralit diễn ra mạnh ở vùng đồi núi thấp trên đá mẹ axit → đất feralit là loại đất chính ở vùng đồi núi nước ta.	+ Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích + Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với nền nhiệt độ, độ ẩm cao → quá trình phong hóa diễn ra với cường độ mạnh + Lượng mưa lớn → rửa trôi các chất ba dơ dễ tan (Ca^{2+}, Mg^{2+}, K^{+}) → đất chua, tích tụ ô xít sắt, ô xít nhôm → đất có màu đỏ vàng	- Đất giàu dinh dưỡng. - Ở vùng trung du, quá trình kết von đá ong diễn ra mạnh làm đất xấu, khó canh tác.
Sinh vật	- Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh là cảnh quan chủ yếu ở nước ta → các loài nhiệt đới chiếm ưu thế. - Có sự xuất hiện các thành phần cận nhiệt đới và ôn đới núi cao.	- Vị trí địa lí - Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa - Địa hình	Tài nguyên động thực vật phong phú. Cung cấp gỗ, lâm sản cho công nghiệp chế biến

Hoạt động 2.3: Tìm hiểu ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến hoạt động sản xuất và đời sống (15 phút)

- *Mục tiêu:* Phân tích được ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến hoạt động sản xuất và đời sống.

- *Phương pháp, kĩ thuật dạy học:* Nêu và giải quyết vấn đề, đàm thoại gợi mở

- *Hình thức tổ chức:* Cặp đôi

Câu hỏi	Các bước	Thông tin phản hồi
8	- <i>Bước 1:</i> GV yêu cầu HS đọc SGK để nêu ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất và đời sống? (gợi ý: nêu thuận lợi và khó khăn) - <i>Bước 2:</i> HS cùng tìm hiểu.	3. Ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến hoạt động sản xuất và đời sống a. Ảnh hưởng đến nông nghiệp - <i>Thuận lợi:</i> Nhiệt ẩm dồi dào để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới với cơ cấu ngành đa dạng, năng suất cao; Có

	Sau đó đại diện 2 em lên trình bày. - Bước 3: GV đưa ra nhận xét, bổ sung và đánh giá	thể thâm canh tăng vụ; - <i>Khó khăn</i>: khí hậu thất thường: nhiều thiên tai, dịch bệnh, phụ thuộc vào thiên nhiên nên dễ mất mùa... b. Ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất khác, đời sống - <i>Thuận lợi</i>: + Thuận lợi cho các ngành lâm nghiệp, thủy sản, GTVT, du lịch; + Các hoạt động khai thác, xây dựng được đẩy mạnh nhất là mùa khô. - <i>Khó khăn</i>: + Các hoạt động sản xuất: GTVT, du lịch, công nghiệp chịu ảnh hưởng của sự phân mùa khí hậu, chế độ nước; + Độ ẩm cao nên khó bảo quản máy móc; + Nhiều thiên tai và các hiện tượng bất thường của thời tiết nên ảnh hưởng đến sản xuất; + Môi trường suy thoái.
--	---	---

Hoạt động 2.4: Hoạt động đánh giá (20 phút)

Kiểu/ Loại	Phương pháp đánh giá	Người đánh giá	Công cụ chấm điểm
☐ Câu hỏi ☒ Bài tập ☐ Bài kiểm tra ☐ Dự án/ nghiên cứu	☐ Quan sát ☐ Vấn đáp ☐ Kiểm tra viết	☒ Giáo viên ☒ Học sinh ☐ GV khác ☐ Chuyên gia	☒ Thang điểm ☐ Bảng kiểm ☐ Rubric phân tích ☐ Rubric tổng hợp

Phản hồi/ báo cáo kết quả cho:

☒ Người học ☐ Giáo viên khác ☐ Phụ huynh ☐ Nhà trường ☐ Khác...

BÀI TẬP

Sử dụng trích dẫn và các nguồn tài nguyên có liên quan khác để trả lời các câu hỏi:

“Ai cũng biết nước ta có hai mùa rõ rệt: một mùa khô mát hay rét và một mùa mưa nóng, phù hợp với hai thời kỳ xâm nhập của gió mùa đông bắc và gió mùa đông nam. Toàn bộ thiên nhiên cho đến hoạt động của con người đều chịu ảnh hưởng của nhịp điệu này, mặc dù ở miền Bắc thấy sâu sắc và rõ rệt hơn. Gió mùa đông bắc càng vào Nam càng yếu dần đi, đặc biệt là từ đèo Hải Vân trở vào thì chế độ nhiệt trong năm điều hoà

hơn, chế độ mưa cũng vậy. Trái lại ở miền Bắc, đặc biệt là từ Nghệ Tĩnh trở ra, mùa hè lại mưa và nóng nhiều kéo theo lũ lụt và bão tố, còn mùa đông thì rét nhiều đến mức có sương muối.”

(Nguồn: *Thiên nhiên Việt Nam*, Lê Bá Thảo)

1. Các “thời kì xâm nhập của gió mùa Đông Bắc và gió mùa Đông Nam” được nhắc đến ở trích dẫn trên là vào thời gian nào trong năm?
2. Cho biết trung tâm xuất phát của gió mùa Đông Bắc và gió mùa Đông Nam được nhắc đến trong câu a?
3. Viết một đoạn văn ngắn (không quá 12 dòng) mô tả sự di chuyển của một trong hai khối khí từ các trung tâm xuất phát được nhắc đến trong câu b vào lãnh thổ nước ta.
4. Giải thích tại sao gió mùa đông bắc gây mưa ở vùng ven biển Bắc Bộ và Đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ cuối mùa đông.
5. Tại sao càng vào phía Nam của nước ta, đặc biệt là từ đèo Hải Vân trở vào thì ít hoặc hầu như không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc?

Hướng dẫn đánh giá được sử dụng để cung cấp cho học sinh:

	Mô tả yêu cầu	Điểm
1 (1,0 điểm)	Hai thời kì: + Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau đối với gió mùa Đông Bắc + Giữa và cuối mùa hạ hoặc từ tháng 6 đến tháng 10 đối với gió mùa Đông Nam	0,5 0,5
2 (1,0 điểm)	+ Cao áp Xibia đối với gió mùa Đông Bắc + Áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam đối với gió mùa Đông Nam	0,5 0,5
3 (3,0 điểm)	+ Trung tâm xuất phát + Hướng di chuyển + Tính chất + Sự thay đổi theo thời gian + Các tác động của nó đến khí hậu nước ta	0,5 0,5 0,5 0,5 1,0
4 (3,0 điểm)	+ Sự hình thành áp thấp Aleut ở ngoài khơi Thái Bình Dương nửa sau mùa đông + Tác động của nó làm cho khối khí lạnh di chuyển lệch về phía đông qua biển Nhật Bản và biển Đông Trung Hoa vào nước ta. + Trên đường di chuyển qua biển, khối khí bắt đầu bị biến tính mạnh vì nhiệt độ tăng	1,0 1,0 0,5

	nhận thêm nhiều hơi nước nên độ ẩm tăng → dẫn đến gây mưa cuối mùa.	0,5
5 (2,0 điểm)	Quãng đường di chuyển càng xa thì khối khí + bị biến tính + tăng ẩm + giảm lạnh + đặc biệt là bị ngăn cản bởi bức chắn địa hình là dãy Bạch Mã	1,0 0,5 0,5 1,0
Tổng		10

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (05 phút)

a) Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kỹ năng bài học góp phần hình thành các kỹ năng mới cho HS

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi:

Câu 1: Loại gió thổi quanh năm ở nước ta là

A. Tây ôn đới. **B.** Tín phong. C. gió phơn. D. gió mùa.

Câu 2: Do tác động của gió mùa Đông Bắc nên nửa đầu mùa đông ở miền Bắc nước ta thường có kiểu thời tiết

A. lạnh, ẩm. B. ẩm, ẩm. **C.** lạnh, khô. D. ẩm, khô.

Câu 3: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với khí hậu Việt Nam?

A. Khí hậu có sự phân hoá đa dạng. B. Khí hậu mang tính chất nhiệt đới.
C. Mùa đông lạnh kéo dài 2 - 3 tháng. D. Chịu tác động sâu sắc của gió mùa.

Câu 4: Gió tín phong nửa cầu Bắc chiếm ưu thế từ khu vực dãy Bạch Mã trở vào Nam có hướng

A. Tây Bắc. B. Tây Nam. C. Đông Nam. **D.** Đông Bắc.

Câu 5: Vào giữa và cuối mùa hạ, do ảnh hưởng của áp thấp Bắc Bộ nên gió mùa Tây Nam khi vào Bắc Bộ nước ta di chuyển theo hướng

A. đông bắc. **B.** đông nam. C. tây nam. D. tây bắc.

Câu 6: Mưa phùn vùng ven biển và các đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ thường diễn ra vào

A. nửa đầu mùa đông. **B.** nửa sau mùa đông.
C. nửa sau mùa xuân. D. nửa đầu mùa hạ.

Câu 7: Loại gió nào sau đây vừa gây mưa cho vùng ven biển Trung bộ, vừa là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ và Tây Nguyên?

A. Gió mùa Đông Bắc. B. Tín phong bán cầu Nam.

D. Gió mùa Tây Nam.

C. Tín phong bán cầu Bắc.

Câu 8: Nhân tố chủ yếu nào sau đây làm cho gió mùa đông bắc xâm nhập sâu vào nước ta?

A. Phía bắc giáp Trung Quốc.

B. Các dãy núi chủ yếu có hướng tây bắc - đông nam.

C. Nước ta có nhiều đồi núi.

D. Hướng vòng cung của các dãy núi ở vùng Đông Bắc.

Câu 9: Hiện tượng thời tiết nào sau đây xảy ra khi áp thấp Bắc Bộ khơi sâu vào đầu mùa hạ?

A. Hiệu ứng phơn ở Đông Bắc.

B. Mưa ngâu ở Đồng bằng Bắc Bộ.

C. Mưa phùn ở Đồng bằng Bắc Bộ.

D. Hiệu ứng phơn ở Đồng bằng Bắc Bộ.

Câu 10: Nguyên nhân chính dẫn đến sự phân hóa lượng mưa theo không gian ở nước ta là

A. tác động của hướng các dãy núi.

B. sự phân hóa độ cao của địa hình.

C. tác động của gió mùa và sông ngòi.

D. tác động của gió mùa và địa hình.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (05 phút)

a) Mục tiêu: HS vận dụng hoặc liên hệ kiến thức để giải thích hiện tượng nồm ở miền Bắc nước ta và biện pháp khắc phục?

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi:

* Câu hỏi: Bằng hiểu biết của mình và kiến thức đã học, em hãy phân tích nguyên nhân hiện tượng nồm ở miền Bắc nước ta và biện pháp khắc phục?

* Trả lời câu hỏi:

- Thời gian:

+ Thời điểm cuối mùa đông, đầu mùa xuân ở miền Bắc nước ta khoảng từ tháng 2 đến tháng 4 thường xảy ra hiện tượng “Nồm” (sau ngày tiết Lập Xuân đầu tháng 2)

+ Thời gian "Nồm" ở miền Bắc cũng rất khác nhau. Có đợt kéo dài vài ngày, cũng có đợt kéo dài cả tuần. Thường trong 3 tháng này sẽ có khoảng 4 đến 5 đợt nồm dài ngắn khác nhau.

- Nguyên nhân: do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc thổi lệch ra biển rồi mới vào lãnh thổ nước ta
- + Do thời tiết rét và khô kéo dài nhiều ngày làm cho nhiệt độ mặt nền, sàn nhà rất thấp. Sau đó gió nồm mang không khí ẩm và ẩm từ biển thổi vào đất liền, khối không khí này ẩm có nhiệt độ ngưng tụ sương tương đối cao, trong lúc nhiệt độ mặt nền, sàn vẫn còn thấp hơn cả nhiệt độ điểm sương của không khí vì chưa bắt kịp với nhiệt độ không khí, và như vậy hiện tượng đọng nước đã xảy ra.
- + Phần lớn các bề mặt đồ dùng trong nhà chúng ta sẽ bị đọng nước do chúng giữ nhiệt kém lại không có khả năng hút ẩm như sàn nhà, đồ điện tử. Điều đó làm cho lớp không khí chứa hơi nước sát bề mặt bị lạnh đi, tới điểm nhiệt độ tại đó hơi nước ngưng tụ thành sương đọng lại thành giọt trên bề mặt. Tuy nhiên, hiện tượng “Nồm” thường chỉ xảy ra chủ yếu ở những ngôi nhà thấp tầng, sát đất đặc biệt là tầng 1. Còn ở những ngôi nhà trên cao (tầng ba trở lên...), sàn lại ít bị ẩm. Đó là do không khí tại những nơi đó ít hơi nước hơn và mức độ chênh lệch nhiệt độ ít hơn. Sau mỗi lần làm việc mệt mỏi bước vào nhà khi trời nồm nhìn đâu cũng thấy ẩm ướt khó chịu, bần thiêu.
- Một số biện pháp để khắc phục hiện tượng nồm ẩm này bằng cách: Đóng kín các cửa ra vào, lau sàn nhà bằng khăn khô, sử dụng máy hút ẩm ...

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

*** Hướng dẫn về nhà**

- Hoàn thiện bài học, bài tập SGK
- Chuẩn bị bài mới 11,12.

PHỤ LỤC 3**PHIẾU KHẢO SÁT KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM***(Dành cho HS các lớp thực nghiệm sau thực nghiệm)***Em hãy cho biết một số thông tin về bản thân**

Họ tên học sinh Lớp.....

Ban: ☐ KHTN ☐ KHXH*Mức độ hứng thú của em khi tham gia các hoạt động liên quan đến đánh giá trong học tập bài 9, 10 “ Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa” - Địa lí 12**(1-Không hứng thú; 2-Ít hứng thú; 3-Bình thường; 4-Hứng thú; 5-Rất hứng thú)*

Các nội dung tham gia	Mức độ hứng thú				
	1	2	3	4	5
Trả lời các câu hỏi, bài tập theo định hướng phát triển năng lực trong quá trình học tập					
Tham gia xây dựng tiêu chí đánh giá					
Tự đánh giá kết quả học tập của bản thân mình					
Tham gia đánh giá kết quả học tập của bạn bè					
Sử dụng các công cụ chấm điểm mới					
Nghe phản hồi của giáo viên về kết quả đánh giá					

Sự hữu ích của cách thức kiểm tra, đánh giá mới mà GV đã thực hiện so với cách thức trước đây thể hiện ở các khía cạnh nào dưới đây?

Các tác dụng của kiểm tra đánh giá	Mức độ hứng thú				
	1	2	3	4	5
Giúp các em nắm vững tri thức của môn học					
Vận dụng tri thức của môn học để giải quyết những vấn đề khác nhau, gắn học đi đôi với hành					
Phát huy tính tự giác, tích cực học tập của cá nhân					
Được biết các ưu nhược điểm của bản thân khi thực hiện các nhiệm vụ để có cơ hội khắc phục, sửa chữa					

PHỤ LỤC 4**KẾ HOẠCH LÀM VIỆC NHÓM**

Tên nhóm:.....

Nội dung nghiên cứu của nhóm:.....

Các thành viên trong nhóm

STT	Họ và tên	Chức vụ
1		
2		
3		
4		
5		
6		

Phân công công việc

STT	Tên	Công việc được giao	Giờ gian hoàn thành	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
5				
6				

Quy định làm việc nhóm

Nội dung	Quy định
<i>Giờ giấc</i>	
<i>Tiến độ</i>	
<i>Trách nhiệm của cá nhân</i>	
<i>Trách nhiệm của cá nhân</i>	

Chữ ký của các thành viên trong nhóm

BIÊN BẢN LÀM VIỆC NHÓM

Tên nhóm:	
Thời gian:	Địa điểm
Thành viên có mặt	Thành viên vắng mặt
Người điều hành	Thư ký

Những việc đã làm được
Những việc chưa làm được
Cách giải quyết
Ý kiến đề xuất

Người điều hành

Thư ký

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI BÁO CÁO

Nội dung trình bày: _____

Tên nhóm: _____

Các thành viên: _____

Thang điểm: 1 = Kém; 2 = Yếu; 3 = Khá; 4 = Tốt; 5 = Xuất sắc
(Khoanh tròn điểm cho từng mục)

Tiêu chí	Yêu cầu		Điểm				
Bố cục	1	Tiêu đề rõ ràng, hấp dẫn người xem	1	2	3	4	5
	2	Giới thiệu được cấu trúc của phần trình bày	1	2	3	4	5
	3	Cấu trúc mạch lạc, lô gic	1	2	3	4	5
	4	Nội dung phù hợp với tiêu đề	1	2	3	4	5
Nội dung	5	Nội dung chính rõ ràng, khoa học	1	2	3	4	5
	6	Các ý chính có sự liên kết rõ ràng	1	2	3	4	5
	7	Có liên hệ với thực tiễn	1	2	3	4	5
	8	Có sự kết nối với kiến thức đã học	1	2	3	4	5
	9	Sử dụng kiến thức của nhiều môn học	1	2	3	4	5
Lời nói, cử chỉ	10	Ngôn ngữ diễn đạt dễ hiểu, phù hợp lứa tuổi	1	2	3	4	5
	11	Phát âm rõ ràng	1	2	3	4	5
	12	Người trình bày thể hiện được cảm hứng	1	2	3	4	5
	13	Giọng nói to, rõ ràng, khúc triết	1	2	3	4	5
	14	Âm lượng vừa phải, đủ nghe	1	2	3	4	5
	15	Tốc độ trình bày vừa phải, hợp lí	1	2	3	4	5
	16	Có giao tiếp bằng ánh mắt với người tham dự	1	2	3	4	5
	17	Thể hiện được sự tự tin, nhiệt tình khi trình bày	1	2	3	4	5
Sử dụng công nghệ	18	Thiết kế sáng tạo, màu sắc hài hòa, thẩm mỹ cao	1	2	3	4	5
	19	Phông chữ, màu chữ, cỡ chữ hợp lý	1	2	3	4	5
	20	Hiệu ứng hình ảnh dễ nhìn, dễ đọc	1	2	3	4	5
Tổ chức, tương tác	21	Cách dẫn dắt vấn đề thu hút sự chú ý của người dự	1	2	3	4	5
	22	Có nhiều học sinh trong nhóm tham gia trình bày	1	2	3	4	5
	23	Không bị lệ thuộc vào phương tiện, phối hợp nhịp nhàng giữa diễn giảng với trình chiếu	1	2	3	4	5
	24	Trả lời được hết các câu hỏi thêm từ người dự	1	2	3	4	5
	25	Phân bố thời gian hợp lí	1	2	3	4	5

Điểm trung bình _____ (Cộng tổng điểm chia cho 25 nếu sử dụng công nghệ, chia cho 22 nếu không sử dụng công nghệ)

Chữ kí người đánh giá

PHIẾU ĐÁNH GIÁ CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG ĐỊNH HƯỚNG

Họ và tên: _____

Thuộc nhóm: _____

Thang điểm: 1 = Kém; 2 = Yếu; 3 = Khá; 4 = Tốt; 5 = Xuất sắc
(Khoanh tròn điểm cho từng mục)

Tiêu chí	Yêu cầu		Điểm				
Ghi chép	1	Có ghi chép cá nhân	1	2	3	4	5
	2	Nội dung ghi chép hợp lí	1	2	3	4	5
Tổ chức, tương tác	3	Có phân công công việc cụ thể cho từng thành viên	1	2	3	4	5
	4	Có ý kiến để nhận được phân công hợp lí trong nhóm	1	2	3	4	5
	6	Có tinh thần giúp đỡ, hỗ trợ thành viên khác	1	2	3	4	5
	7	Thực hiện đúng các quy định do nhóm đề ra	1	2	3	4	5
Sưu tầm tài liệu	8	Hoàn thành nhiệm vụ được giao	1	2	3	4	5
	9	Nguồn tài liệu phong phú, gần với thực tế	1	2	3	4	5
	10	Tài liệu thuộc nhiều lĩnh vực bổ sung cho nhiệm vụ của bản thân	1	2	3	4	5

Điểm trung bình (Cộng tổng điểm và chia cho 10) _____

Chữ kí người đánh giá

PHIẾU ĐÁNH GIÁ CÁ NHÂN KHI LÀM VIỆC NHÓM

Nội dung tham gia: _____

Tên nhóm: _____

Thành viên được đánh giá: _____

Thang điểm: 1 = Kém; 2 = Yếu; 3 = Khá; 4 = Tốt; 5 = Xuất sắc
(Khoanh tròn điểm cho từng mục)

Tiêu chí	Yêu cầu		Điểm				
Thái độ học tập	1	Tuân thủ theo sự điều hành của giáo viên	1	2	3	4	5
	2	Thể hiện sự hứng thú đối với nhiệm vụ được giao	1	2	3	4	5
	3	Tích cực, tự giác trong học tập	1	2	3	4	5
	4	Thể hiện sự ham hiểu biết, nếu có câu hỏi với giáo viên phải là câu hỏi liên quan đến nội dung của chủ đề	1	2	3	4	5
Tổ chức, tương tác	5	Thể hiện được vai trò của thành viên trong nhóm	1	2	3	4	5
	6	Các thành viên trong nhóm đều đóng góp ý kiến	1	2	3	4	5
	7	Có sự sáng tạo trong hoạt động	1	2	3	4	5
	8	Có những điểm mới để nhóm khác học tập	1	2	3	4	5
Kết quả	9	Sản phẩm đạt yêu cầu, có chất lượng	1	2	3	4	5
	10	Các thành viên đều có thể thực hiện được tất cả các giai đoạn	1	2	3	4	5

Điểm trung bình (Cộng tổng điểm và chia cho 10) _____

Chữ kí người đánh giá